

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM  
VỤ KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH



ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KẾ TOÁN NGÂN HÀNG  
THƯƠNG MẠI PHÙ HỢP VỚI THÔNG LỆ QUỐC TẾ

MÃ SỐ: KNH 2001 - 16

ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH	
<b>THƯ VIỆN</b>	
BH/C	02235

Chủ nhiệm đề tài: Tiến sỹ ĐÀO Y  
Thư ký đề tài: Th.s VŨ THỊ BÍCH VÂN  
Các thành viên: Th.s BÙI QUANG TIẾN  
Th.s ĐẶNG THỊ THUY  
TRẦN THỊ KIM CHINH

*(Thực hiện theo Quyết định số 854 ngày 5/7/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Đề cương đề tài đã được Hội đồng xét duyệt chấp thuận tháng 7/2001)*

Hà nội, năm 2003

# MỤC LỤC

Trang

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1:</b>	
Sự cần thiết của việc hoàn thiện hệ thống kế toán Ngân hàng Thương mại Việt nam theo thông lệ quốc tế và những nét khái quát về thông lệ này	
<b>1/ SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC HOÀN THIÊN HỆ THỐNG KẾ TOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM THEO THÔNG LỆ QUỐC TẾ</b> .....	5
1.1. Vai trò của hệ thống kế toán trong hệ thống các công cụ quản lý Ngân hàng Thương mại .....	5
1.1.1. Nhiệm vụ của kế toán Ngân hàng Thương mại .....	5
1.1.2. Vai trò của kế toán Ngân hàng Thương mại trong hệ thống các công cụ quản lý ngân hàng.....	6
1.2. Đặc thù hoạt động Ngân hàng Thương mại và vai trò kế toán.....	8
1.3. Chủ trương của Nhà nước Việt nam về hội nhập NH với quốc tế.....	10
1.4. Hoàn thiện hệ thống kế toán Ngân hàng Thương mại theo yêu cầu hội nhập ngân hàng Việt nam .....	12
<b>2/ KHÁI QUÁT VỀ HỆ THỐNG CHUẨN MỤC KẾ TOÁN QUỐC TẾ VÀ VIỆC TIẾP THU CÓ LỰA CHỌN CÁC CHUẨN MỤC ĐÓ Ở VIỆT NAM</b> .....	14
2.1. Khái quát về hệ thống chuẩn mục kế toán quốc tế.....	14
2.2. Việc tiếp thu có lựa chọn các chuẩn mục kế toán quốc tế ở Việt nam .....	20
.....	
<b>CHƯƠNG 2:</b>	
Sự khác biệt giữa thông lệ quốc tế áp dụng cho Ngân hàng Thương mại với hệ thống kế toán hiện hành ở Ngân hàng Thương mại tại Việt nam ...	26
<b>1/ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TÁCH KHỎI NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG THÀNH CẤP KINH DOANH</b> .....	26

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của nhóm đề tài do tôi phụ trách. Các thông tin và kết quả nêu trong công trình này là trung thực và chưa được ai công bố ở bất kỳ công trình nào, nếu có sử dụng lại thì đã ghi chú nguồn gốc rõ ràng.

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI



TS. Đào Y

Phụ lục ..... ..

Danh mục tài liệu tham khảo..... 111

# ĐỀ TÀI "HOÀN THIÊN HỆ THỐNG KẾ TOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM PHÙ HỢP VỚI THÔNG LỆ QUỐC TẾ"

Mã số: KNH 2001 - 16

## MỞ ĐẦU

### 1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI:

Quá trình hội nhập và phát triển của đất nước ta cùng cộng đồng thế giới cũng đồng thời đặt ra những cơ hội và thách thức cho hệ thống ngân hàng Việt nam, trong đó có liên quan đến công cụ quản lý, công nghệ điều hành, hoạt động của ngân hàng thương mại. Phải làm sao sớm hoà nhập về công nghệ ngân hàng với ngân hàng Quốc tế trên cơ sở phù hợp với thực tiễn về mọi mặt của Việt nam.

Công cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế của Việt nam hơn 10 năm qua đã có những thành tựu nổi bật, đáng khích lệ và chủ trương của Đảng, Nhà nước ta là phải tiếp tục công cuộc ấy làm sao chiến thắng được các nguy cơ: tụt hậu về trình độ phát triển kinh tế; diễn biến hoà bình làm chệch mục tiêu XHCN, tham nhũng, lãng phí suy thoái phẩm chất cán bộ có chức, có quyền. Điều đó đòi hỏi công cụ quản lý kinh tế - tài chính là hệ thống kế toán của Quốc gia và ngân hàng thương mại phải không ngừng được hoàn thiện để làm tốt sứ mệnh của nó. Ngành ngân hàng trong đó có Ngân hàng thương mại với vị trí đặc biệt trong tiến trình phát triển nền kinh tế Việt nam, tất nhiên cũng có vị trí đặc biệt trong 2 vấn đề trên. Tính đặc biệt là ở chỗ:

+ Là nơi hình thành và cung ứng vốn theo nguyên tắc hoàn trả nên là bà đỡ cho mọi cơ chế kinh tế mới.

+ Là trung tâm thông tin của mọi sự vận hành sản xuất - kinh doanh - chu chuyển kinh tế.

+ Việc chuẩn hoá công cụ quản lý hay công nghệ của nó vừa là yếu tố phát sinh vừa là chất môi giới, kết dính, bôi trơn cho mọi sự chu chuyển kinh tế, do vậy thêm quan trọng ngoài cả mục đích tự nó.

Nhà nước ta chủ trương chuyển mạnh sang cơ chế thị trường và nâng cao hiệu lực của hệ thống luật lệ về kế toán, thống kê. Chủ trương xây dựng Luật kế

- Sử dụng thành tựu nghiên cứu và ứng dụng nội dung tương tự do Bộ Tài chính tiến hành lâu nay.

- Sử dụng thành quả các dự án tương tự do các Công ty kiểm toán nước ngoài đã và đang làm cho ngành Ngân hàng.

- Sử dụng và phát triển báo cáo tổng kết Hệ thống kế toán ngân hàng thương mại sau những năm triển khai Pháp lệnh, Luật các Tổ chức tín dụng.

- ứng dụng các đề án mà Ngành ngân hàng đã và đang thực hiện như đề án cơ cấu lại ngân hàng, đề án thị trường mở, đề án hoàn thiện 2 Luật Ngân hàng hiện hành ...

- Luôn bám sát tiến độ cải cách kế toán, kiểm toán của Việt nam do Bộ Tài chính chủ trì, Hội đồng kế toán Quốc gia làm tư vấn.

- Cách nghiên cứu là sự quán triệt chung về bản chất của các chuẩn mực kế toán quốc tế để rà soát các cơ chế, quy chế kế toán ngân hàng thương mại Việt nam hiện hành, sau khi đối chiếu với luật lệ kế toán Việt nam sẽ đề xuất phương hướng, bước đi thích hợp cho việc hoàn thiện hệ thống kế toán ngân hàng thương mại nước ta.

#### **5. ĐÓNG GÓP CỦA CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU:**

- Đưa ra sự phân tổ các chuẩn mực kế toán quốc tế theo những tiêu thức nhất định để dễ so sánh, linh hoạt.

- Nêu những quan điểm ứng dụng tối ưu các chuẩn mực kế toán quốc tế vào Việt nam nói chung, vào hệ thống kế toán ngân hàng thương mại nói riêng.

- Kiến nghị các giải pháp, bước đi hoàn thiện hệ thống kế toán Ngân hàng thương mại theo yêu cầu vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế để thực hiện hội nhập, phát triển của ngân hàng Việt nam.

#### **6. KẾT CẤU CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU:**

Ngoài lời mở đầu và kết luận, công trình nghiên cứu được trình bày thành 3 chương:

## CHƯƠNG 1-

# SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KẾ TOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM THEO THÔNG LỆ KẾ TOÁN QUỐC TẾ VÀ NHỮNG NÉT KHÁI QUÁT VỀ THÔNG LỆ QUỐC TẾ

## 1/ SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KẾ TOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM THEO THÔNG LỆ QUỐC TẾ.

Sự cần thiết phải hoàn thiện Hệ thống kế toán ngân hàng thương mại Việt nam theo thông lệ Quốc tế thể hiện ở các khía cạnh sau:

### 1.1- Vai trò của Hệ thống kế toán trong hệ thống các công cụ quản lý ngân hàng thương mại:

Hệ thống kế toán ngân hàng thương mại là một tổng thể các quy định pháp lý về kế toán tài chính bao gồm chế độ chứng từ, sổ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán và báo cáo tài chính được áp dụng trong hoạt động của ngân hàng thương mại. Vai trò của hệ thống này trong hệ thống các công cụ quản lý ngân hàng thương mại trước hết được thể hiện ở chức năng tổ chức hệ thống thông tin có ích, hợp pháp, cập nhật cho các quyết định kinh tế - tài chính đối với hệ thống ngân hàng này. Sẽ càng cụ thể hơn nếu đề cập vấn đề này từ nhiệm vụ của kế toán ngân hàng thương mại

#### 1.1.1- Nhiệm vụ của kế toán Ngân hàng thương mại:

Bằng phương pháp của kế toán để phản ánh, kiểm tra các hoạt động nghiệp vụ tiền tệ - tín dụng và thực hiện đảm bảo vốn, đảm bảo an toàn và sử dụng hiệu quả tài sản, tiền vốn trong Ngân hàng thương mại, là nhiệm vụ tổng quát của kế toán ngân hàng này. Cụ thể, kế toán ngân hàng thương mại có những nhiệm vụ chính sau:

- Tính toán, ghi chép, phản ánh số hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, quá trình và kết quả kinh doanh - dịch vụ của ngân hàng.

vốn vay hoặc tiện ích dịch vụ của mọi khách hàng. Nói một cách khác là kế toán ngân hàng thương mại cung cấp thông tin tổng hợp với vai trò kinh tế - xã hội lớn lao.

- Trong tương quan với cơ chế vận hành nghiệp vụ kinh doanh - dịch vụ của ngân hàng thương mại thì kế toán ngân hàng sẽ đảm bảo tính kịp thời, chuẩn xác, nhịp nhàng, thông suốt ở từng khâu tác nghiệp khiến cho chất lượng dịch vụ tiền tệ - tín dụng đối với khách hàng được nâng cao đồng thời giữ được an toàn và đầu tư hiệu quả đồng vốn. tài sản kinh doanh. Là đơn vị dịch vụ ngân hàng, trong đó kế toán là nơi tác nghiệp chủ yếu của dịch vụ này nên mặc nhiên chất lượng công tác kế toán của ngân hàng thương mại gắn liền với chất lượng dịch vụ này - một thứ dịch vụ rất nhạy cảm, phục vụ chu chuyển vốn toàn xã hội.

- Trong tương quan với hệ công cụ quản lý gián tiếp gắn với cơ chế thị trường như lãi suất, hạn mức tín dụng, thị trường mở, tỷ giá và thuế khoá .v.v. mà Nhà nước và ngân hàng thương mại vẫn thực hiện thông qua tín hiệu của thị trường thì kế toán Ngân hàng thương mại không những cung cấp thông tin có hệ thống, đầy đủ và cập nhật về tài chính - kế toán thống kê mà còn thực hiện sự giám sát, điều chỉnh hoạt động của ngân hàng này theo mục đích đã định thông qua việc phân tích, phát hiện những khả năng tiềm ẩn chứa đựng trong những thông tin ấy. Là đơn vị kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng nên thông tin mang tín hiệu thị trường cũng vô cùng phong phú và cập nhật đồng thời thông tin này lại rất động và có thể truyền lan rất nhanh qua hệ thống thanh toán, thương mại điện tử đến mọi miền, mọi tầng lớp kinh tế - xã hội rộng lớn.

Tóm lại, các công cụ quản lý điều hành ngân hàng thương mại luôn gắn bó với thông tin tài chính - kế toán do hệ thống kế toán cung cấp đồng thời cả hai đều cấu thành một chỉnh thể của hệ thống quản lý điều hành ngân hàng thương mại. trong đó vai trò không thể thiếu được của kế toán là chức năng đảm bảo vốn, kinh phí cho hoạt động của ngân hàng thương mại thông qua việc kiểm tra, giám sát và phân tích kinh tế của kế toán. Điều đó đặt ra yêu cầu phải đổi mới



toán ngân hàng thương mại là kế toán giao dịch và chất lượng công việc của kế toán không thuần túy gắn với hạch toán kiểm tra nghiệp vụ phát sinh mà còn gắn với phép lịch sự giao tiếp và mức độ đáp ứng yêu cầu “vừa lòng khách hàng - thượng đế của doanh nghiệp”.

- Hoạt động của Ngân hàng thương mại chủ yếu là kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng nên công thức vận động vốn kinh doanh là  $T - T'$ , trong đó  $T$  là vốn ứng trước,  $T'$  là kết quả kinh doanh bao gồm  $T$  ứng trước và  $\Delta T$  là lợi nhuận. Tuy biểu hiện bên ngoài của quá trình vận động vốn kinh doanh đơn giản như vậy nhưng trong thực tế lại khá phức tạp về quan hệ pháp lý. Điều đó gắn liền với chủ sở hữu khác nhau về vốn bằng tiền được gửi tại ngân hàng và động cơ, mục đích gửi cũng như loại tiền được gửi (ngắn hạn, dài hạn, VNĐ hay ngoại tệ, tiền mặt hay giấy tờ có giá, gửi để thanh toán vãng lai hay để kinh doanh có kỳ hạn hay hoạt kỳ ...) hoặc gắn liền với lợi ích kinh doanh - dịch vụ của ngân hàng thương mại với tư cách là bên huy động vốn và cho vay ra từ vốn huy động đó hay làm phương tiện để mở rộng dịch vụ kiếm lời hay bù đắp nhu cầu tạm thời về phương tiện thanh toán. Tất cả những sự phức tạp này phải được nhận thức và thể chế hoá vào hệ thống kế toán ngân hàng thương mại với mục tiêu rõ ràng, kịp thời, kiểm soát được để an toàn tài sản, tiền vốn. Mặt khác, theo yêu cầu đổi mới và mở rộng đối tượng phục vụ của thông tin kế toán - tài chính (không dừng ở Nhà nước mà mở rộng ra cho nhà đầu tư, công nhân viên ngân hàng và nhân dân...) mà hệ thống kế toán ngân hàng phải đảm bảo đơn giản hoá cái phức tạp cố hữu của hoạt động kinh doanh - dịch vụ ngân hàng, từ hệ chứng từ, sổ, tài khoản và hệ thống báo cáo định kỳ, đột xuất, bằng giấy và bằng điện báo, truyền qua mạng vi tính...

-Hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng chứa đựng nhiều rủi ro bởi sự ngộ nhận thường có ở tổ chức ngân hàng thương mại do thu tiền trước, chi tiền sau với sự vận động mau lẹ biến hoá vạn năng của tiền. Từ đó việc tổ chức hệ thống kế toán của ngân hàng này cũng phải lưu tâm cả yêu cầu cảnh báo sự rủi ro tiềm ẩn ấy

-Rà soát để xây dựng các khung pháp lý đảm bảo sân chơi bình đẳng, an toàn cho các ngân hàng thương mại (gồm cả ngân hàng nước ngoài) hoạt động tại Việt nam trên lĩnh vực tín dụng, dịch vụ ngân hàng, đầu tư và các nghiệp vụ tài chính khác (2001 - 2004). Trước mắt, căn cứ các cam kết quốc tế (AFTA, APEC...), Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, kể cả bản chào mở cửa thị trường tài chính và dịch vụ ngân hàng trong chương trình đàm phán gia nhập WTO để đưa ra các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung liên quan đến hoạt động ngân hàng.

- Xoá bỏ cơ chế bao cấp, bảo hộ đối với ngân hàng thương mại Việt nam đồng thời với việc nới rộng dần các hạn chế đối với ngân hàng nước ngoài đi đôi với việc củng cố, lành mạnh hoá các ngân hàng thương mại Việt nam, kiện toàn đổi mới công cụ điều hành chính sách tiền tệ, thanh tra ngân hàng.

-Từ năm 2001 đến năm 2005 có các biện pháp hỗ trợ các ngân hàng thương mại Việt nam duy trì và tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và mở rộng hơn hoạt động ngân hàng Quốc tế; bắt đầu mở văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài.

- Xem xét các quy định về quản lý ngoại hối để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tiến trình hội nhập quốc tế về tài chính - ngân hàng và thương mại theo hướng xoá bỏ cơ chế quản lý ngoại hối "đóng", xây dựng cơ chế quản lý ngoại hối mở cửa, quy chế quản lý nợ nước ngoài.

- Từ năm 2004 đến năm 2005, cụ thể hoá và nới lỏng thủ tục cấp giấy phép cho các ngân hàng nước ngoài mở chi nhánh và hoạt động tại Việt nam (gắn với việc giảm bớt các hạn chế về hoạt động ngân hàng trên thị trường trong nước..., tăng cường khuôn khổ pháp lý để giám sát các ngân hàng nói chung, đảm bảo cho Việt nam có thể tham gia đầy đủ vào AFTA/ASEAN về lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

- Giai đoạn từ năm 2005 - 2020: Đây là giai đoạn Việt nam phải thực hiện các cam kết trong khuôn khổ hiệp định khung về hợp tác thương mại và dịch vụ (AFTA) của ASEAN như: Xây dựng môi trường pháp lý cho hệ thống ngân hàng phù hợp với thông lệ quốc tế; Không hạn chế số lượng các nhà cung cấp dịch vụ ngân hàng trên lãnh thổ Việt nam; Không hạn chế về tổng các hoạt động tác

công nghệ thông tin, phương tiện kỹ thuật hiện đại phù hợp với hệ thống tổ chức kế toán - thống kê luật định theo hướng: Nhập tin một lần với những tiêu chí cần thiết có thể nhận được nhiều thông tin kết quả sau xử lý bằng máy đáp ứng yêu cầu nói trên một cách an toàn, hệ thống. Việc thay thế chứng từ, sổ sách báo cáo truyền thống (giấy tờ) bằng vật mang từ điện tử cũng đang trở thành phổ biến trong kế toán. Do đó, hệ thống kế toán phải có công nghệ tương ứng.

Tuy nhiên, với trình độ phát triển thấp và nghèo nàn về kinh tế so với nhiều nước trên thế giới thì vấn đề hoàn thiện hệ thống kế toán ngân hàng thương mại không thể thực hiện viễn vọng, chạy theo một "hiện đại nhất" mà phải chọn phương án "hợp lý nhất", "phù hợp nhất" theo trình tự từ thấp đến cao. Điều đó cũng là kinh nghiệm của nhiều nước và với cách làm đó sẽ đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của kế toán mà quốc tế thừa nhận như nguyên tắc thận trọng, nguyên tắc phù hợp, đồng thời coi trọng các nguyên tắc khác như: Thực chất, liên tục, nhất quán và khách quan. Nói vậy không có nghĩa là Việt nam cố sức kéo hạ thấp các chuẩn mực kế toán quốc tế theo những yếu kém của mình mà phải luôn xác định một hướng phấn đấu để nâng tầm mình lên, dần đáp ứng đầy đủ chuẩn mực quốc tế, trong đó không coi nhẹ việc lành mạnh hoá, nâng cao hơn nữa khả năng cạnh tranh của Ngân hàng Thương mại Việt nam trên trường quốc tế (đối tượng thi hành chuẩn mực kế toán quốc tế).

Mặt khác, hệ thống kế toán ngân hàng thương mại cũng là nơi hội tụ thông tin kinh tế - tài chính của cả khách hàng trong, ngoài nước nên việc lựa chọn phương án hoàn thiện hợp lý sẽ đáp ứng và phù hợp với mọi khách hàng đồng thời là điều kiện để chính ngân hàng thương mại thắng trong cạnh tranh nhờ sự ủng hộ của khách hàng trong và ngoài nước. Việc hoàn thiện hệ thống kế toán ngân hàng thương mại cũng sẽ góp phần khắc phục yếu kém về tính công khai thông tin kế toán của nước ta. Theo công bố ngày 27-11-1999 của tổ chức tư vấn rủi ro kinh tế và chính trị thì Việt nam còn ở vị trí xấu nhất so với các nước khác ở Châu á, mặc dù từ bấy đến nay đã có những tiến triển đáng kể về vấn đề này. (Xem Biểu 1).

31/12/2001. Nếu tính theo thứ tự các chuẩn mực đã được công bố thì cho đến thời điểm trên đã có 41 chuẩn mực. Song có 7 chuẩn mực đã bị thay thế: chuẩn mực kế toán quốc tế thứ 3 được thay thế bởi chuẩn mực 27, 28; chuẩn mực thứ 4 đã bị thay thế bởi chuẩn mực thứ 16 và 38, chuẩn mực thứ 5 bị thay thế bởi chuẩn mực 1 và chuẩn mực thứ 6 bị thay thế bởi chuẩn mực 15; chuẩn mực 9 được thay thế bởi chuẩn mực 38; chuẩn mực 13 được thay thế bởi chuẩn mực 1; chuẩn mực 25 được thay thế bởi chuẩn mực 39 và 40, trong quá trình nghiên cứu và ban hành các chuẩn mực kế toán quốc tế của I.A.S.C. Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế (I.A.S.C) được thành lập và hoạt động từ năm 1973 Ủy ban chuẩn mực kế toán Quốc tế (IASB) được thành lập vào năm 1973 với sự ủng hộ bởi các tổ chức kế toán chuyên nghiệp của các nước Úc, Canada, Pháp, Đức, Nhật, Mêhicô, Hà Lan, Anh và Ai-len (Ireland), và Hoa kỳ. Trong khoảng thời gian từ năm 1983 và 2001, các thành viên của IASB bao gồm tất cả các tổ chức kế toán chuyên nghiệp là thành viên của Liên đoàn các nhà kế toán quốc tế (International Federation of Accountants) đến nay đã có 153 tổ chức thành viên từ 113 nước tham gia. Hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế là 1 hệ thống nguyên tắc, phương pháp cơ bản có thể áp dụng ở nhiều nước có kinh tế thị trường. Đó là ngôn ngữ kế toán chung mà các Quốc gia có thể áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính có tính so sánh cao và cùng nhau thừa nhận là hợp lý.

Lý do có thể coi "Hệ thống các chuẩn mực kế toán quốc tế" do I.A.S.C công bố là thông lệ kế toán quốc tế là ở chỗ:

- Đây là sự tổng kết, quy nạp số lớn các nước có thị phần kinh tế xuất nhập khẩu áp đảo trên thế giới, nơi cơ chế thị trường kinh tế hàng hoá thống trị.

- Đây là kết quả làm việc nghiêm túc của một uỷ ban nghề nghiệp được thế giới thừa nhận và các chuẩn mực này đã được nhiều nước lấy làm cơ sở để xây dựng hệ thống kế toán của mình.

- Hệ thống các chuẩn mực kế toán quốc gia Việt nam do Bộ Tài chính đang chủ trì xây dựng và áp dụng trong những năm tới (dự kiến ban hành xong vào cuối năm 2003) cũng dựa trên hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế này.

I.A.S 15	Thông tin phản ánh ảnh hưởng của biến động giá cả	1/1/1983
I.A.S 16	Bất động sản, xưởng và thiết bị (sửa đổi năm 1998)	1/1/1995
I.A.S 17	Tài sản thuê (sửa đổi năm 1997)	1/1/1999
I.A.S 18	Doanh thu (sửa đổi năm 1993)	1/1/1995
I.A.S 19	Lợi ích trả cho công nhân viên (sửa đổi năm 2000)	1/1/1999
I.A.S 20	Kế toán các khoản trợ cấp của Chính phủ	1/1/1984
I.A.S 21	Ảnh hưởng do thay đổi tỷ giá hối đoái (sửa đổi năm 1993)	1/1/1995
I.A.S 22	Hợp nhất kinh doanh (sửa đổi năm 1998)	1/1/1999
I.A.S 23	Chi phí đi vay (sửa đổi năm 1993)	1/1/1995
I.A.S 24	Công bố về các bên liên quan	1/1/1986
I.A.S 25	Kế toán các khoản đầu tư: Không còn hiệu lực - Được thay thế bởi IAS 39,40	
I.A.S 26	Kế toán và báo cáo theo quỹ lợi ích hưu trí	1/1/1988
I.A.S 27	Báo cáo tài chính tổng hợp và kế toán các khoản đầu tư vào các công ty con	1/1/1990
I.A.S 28	Kế toán các khoản đầu tư trong các đơn vị liên kết (sửa đổi năm 2000)	1/1/1990
I.A.S 29	Báo cáo tài chính trong các nền kinh tế siêu lạm phát	1/1/1990
I.A.S 30	Nội dung công bố trong báo cáo tài chính của các ngân hàng và các tổ chức tín dụng tương tự	1/1/1991
I.A.S 31	Báo cáo tài chính cho các khoản phân chia trong các liên doanh (sửa đổi năm 2000)	1/1/1992
I.A.S 32	Các công cụ tài chính: Công bố và trình bày (sửa đổi năm 1998)	1/1/1996
I.A.S 33	Thu nhập trên một cổ phiếu	1/1/1998
I.A.S 34	Báo cáo tài chính tạm thời	1/1/1999
I.A.S 35	Hoạt động bị ngừng	1/1/1999
I.A.S 36	Giảm giá trị tài sản	1/7/1999
I.A.S 37	Các khoản dự phòng, nợ bất thường và tài sản bất thường	1/7/1999

+ Tính phù hợp: Thông tin phù hợp ảnh hưởng tới quyết định kinh doanh của người sử dụng, bắt đầu từ việc đánh giá sự kiện đã, đang và sẽ xảy ra. Tính phù hợp này chịu sự chi phối của bản chất và tầm quan trọng của thông tin.

+ Độ tin cậy: Thông tin đáng tin cậy không mang lỗi trọng yếu và thiên diện. Nó phụ thuộc vào việc trình bày trung thực, coi trọng nội dung hơn hình thức, đảm bảo tính trung lập, thận trọng, hoàn chỉnh.

+ Tính tương thích: Thông tin được trình bày nhất quán giữa các kỳ và giữa các doanh nghiệp để người sử dụng có thể đưa ra những so sánh về nhiều mặt.

+ Tính dễ hiểu: Thông tin cần phải dễ hiểu đối với người sử dụng - những người có kiến thức cơ bản về kinh tế, kế toán và sẵn sàng nghiên cứu nghiêm túc các thông tin đó.

Trong phần "Các khái niệm kế toán", cuốn "Quy định chung về việc lập và trình bày cáo báo cáo tài chính" của IASC đã nói rõ:

- Mục tiêu của các báo cáo tài chính là cung cấp thông tin hữu ích về tình hình tài chính (Bảng cân đối tài sản), kết quả hoạt động (Báo cáo thu nhập) và những thay đổi về tình hình tài chính (báo cáo lưu chuyển tiền tệ) của một doanh nghiệp cho nhiều đối tượng sử dụng để đưa ra quyết định kinh tế.

- Những yếu tố liên quan trực tiếp tới việc đánh giá tình trạng tài chính gồm:

+ Tài sản Có: Những nguồn lực do doanh nghiệp kiểm soát có được từ kết quả hoạt động trước đây và là nguồn lực mà từ đó doanh nghiệp hy vọng sẽ thu được lợi ích kinh tế cho mình trong tương lai.

+ Tài sản Nợ: Nợ hiện tại của một doanh nghiệp hình thành từ các hoạt động trong quá khứ, việc thanh toán các khoản này làm mất đi các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp.

+ Vốn chủ sở hữu: Tài sản trừ đi các khoản nợ

- Những yếu tố liên quan trực tiếp đến việc đánh giá kết quả hoạt động gồm:

Hình thành môi trường minh bạch, lành mạnh, bình đẳng cho hoạt động tiền tệ - ngân hàng, ứng dụng công nghệ thông tin, mở rộng nhanh các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán qua ngân hàng. Đa dạng hoá các hình thức huy động vốn, cho vay, cung ứng các dịch vụ và tiện ích ngân hàng thuận lợi và thông thoáng đến mọi doanh nghiệp và dân cư, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn tín dụng cho sản xuất, kinh doanh và đời sống, chú trọng nông nghiệp, nông thôn.

Hình thành đồng bộ khuôn khổ pháp lý, áp dụng đầy đủ hơn các thiết chế và chuẩn mực quốc tế về an toàn trong kinh doanh tiền tệ và ngân hàng, giải quyết nợ tồn đọng đi đôi với tăng cường những chế định pháp lý, kinh tế và hành chính về nghĩa vụ trả nợ của người đi vay và bảo vệ quyền thu nợ hợp pháp của người cho vay. Tăng cường năng lực tự kiểm tra của các tổ chức tín dụng và công tác thanh tra, giám sát của các cơ quan chức năng, không để xảy ra đổ vỡ tín dụng.

Cơ cấu lại hệ thống ngân hàng, phân biệt chức năng của Ngân hàng Nhà nước và ngân hàng thương mại Nhà nước, chức năng cho vay của ngân hàng chính sách với chức năng kinh doanh tiền tệ của ngân hàng thương mại. Bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của ngân hàng thương mại trong kinh doanh. Giúp đỡ và thúc đẩy các tổ chức tín dụng trong nước nâng cao năng lực quản lý và trình độ nghiệp vụ, có khả năng với các chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Bảo đảm quyền kinh doanh của các ngân hàng và tổ chức tài chính nước ngoài theo các cam kết của ta với quốc tế. Gắn cài cách ngân hàng với cải cách doanh nghiệp nhà nước. Sắp xếp lại các ngân hàng cổ phần, xử lý các ngân hàng yếu kém. Đưa hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân đi đúng hướng và bảo đảm an toàn”<sup>1</sup>

“Phát triển thị trường vốn và tiền tệ với các hình thức đa dạng thích hợp, bao gồm hệ thống ngân hàng, thể chế tài chính phi ngân hàng, công ty bảo hiểm,

<sup>1</sup> “Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2000 - 2010” - ĐCS Việt nam - Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt nam - NXB Chính trị quốc gia, trang 197 - 198.

- Cơ sở thiết lập hệ thống chuẩn mực kế toán Việt nam là Hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế do Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) công bố để tạo ra sự hoà nhập và công nhận quốc tế.

- Chuẩn mực kế toán Việt nam được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của Việt nam (vì trình độ phát triển, cơ chế và yêu cầu quản lý của nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN ở Việt nam) phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành về kinh tế, tài chính, kế toán của Việt nam và định hướng đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế trong thời gian tới.

- Chuẩn mực kế toán Việt nam không trình bày các nội dung, các vấn đề mà nền kinh tế Việt nam chưa có hoặc chưa tiếp cận.

- Văn bản ban hành các chuẩn mực kế toán Việt nam thuộc loại hình văn bản pháp quy được ký ban hành và công bố bởi Bộ Tài chính (dưới hình thức quyết định)

Về đối tượng và phạm vi áp dụng của chuẩn mực kế toán Việt nam thì: áp dụng thống nhất cho tất cả các doanh nghiệp thuộc các ngành, các lĩnh vực thuộc các thành phần kinh tế, trong đó bao gồm cả doanh nghiệp thuộc NHNN quản lý như: Công ty cho thuê tài chính, tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại...

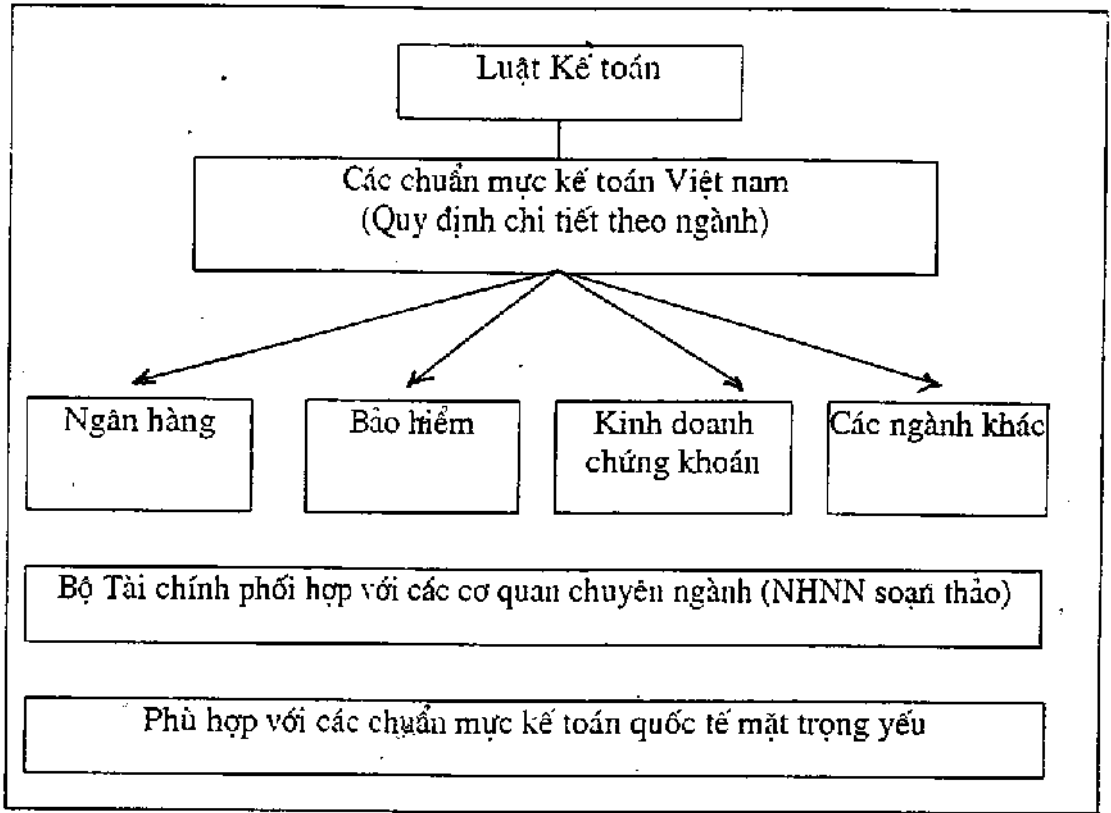
Về tiến độ ban hành Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt nam thì: Đến nay, Bộ Tài chính đã hoàn thành và công bố được 10 chuẩn mực kế toán dưới đây theo Quyết định số 149 ngày 31/12/2001 và Quyết định số 165 ngày 31/12/2002, cụ thể:

- Chuẩn mực số 02 - Hàng tồn kho;
- Chuẩn mực số 03 - Tài sản cố định hữu hình;
- Chuẩn mực số 04 - Tài sản cố định vô hình;
- Chuẩn mực số 14 — Doanh thu và thu nhập khác;
- Chuẩn mực số 01 — Chuẩn mực chung;
- Chuẩn mực số 06 — Thuê tài sản;
- Chuẩn mực số 10 — ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá;



**Biểu 3: Mô hình điều chỉnh hoạt động kế toán bằng pháp luật  
từ cuối 2004 ở Việt nam**

(Nếu muốn so sánh với mô hình hiện tại thì xem phụ lục số 1 cuối đề tài)



và Ngân hàng thương mại cấp kinh doanh. đi theo nó là việc phải hình thành chức năng nhiệm vụ của Ngân hàng Nhà nước và của ngân hàng thương mại. Trong đó hệ thống kế toán của ngân hàng thương mại đã dần dần được hình thành và ngày càng được tách bạch.

## 2/ QUÁ TRÌNH HOÀN CHỈNH HỆ THỐNG KẾ TOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

Trong xu hướng hội nhập quốc tế ngày càng mở rộng và phát triển, nền kinh tế nước ta nói chung, hoạt động ngân hàng nói riêng đang trong quá trình đổi mới vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Ngân hàng thương mại là một định chế tài chính kinh doanh tiền tệ và làm dịch vụ Ngân hàng, các cơ chế chính sách chế độ áp dụng đối với các ngân hàng thương mại trong đó có hệ thống kế toán cũng ngày càng được đổi mới và hoàn chỉnh nhằm tiến dần tới chuẩn mực quốc tế. Hiện nay, tại Việt Nam Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính là cơ quan quản lý Nhà nước đối với kế toán Ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Trên cơ sở các chuẩn mực kế toán quốc gia Việt Nam đang được xây dựng và ban hành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ thực hiện bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống kế toán Ngân hàng thương mại ở Việt nam.

Trước năm 1975 hệ thống kế toán của Ngân hàng ở nước ta được xây dựng theo mô hình của Liên Xô cũ và các nước XHCN khác. Trong giai đoạn này nền kinh tế Việt Nam được vận hành theo cơ chế quản lý kế hoạch tập trung. Sau khi đất nước hoàn toàn thống nhất, chúng ta đã tiếp quản hệ thống ngân hàng chế độ Sài Gòn cũ. Hệ thống kế toán áp dụng cho Ngân hàng vẫn theo mô hình Ngân hàng một cấp và được kéo dài đến lúc có hai Pháp Lệnh về Ngân hàng. Song song với quá trình đó Pháp lệnh Kế toán và thống kê ra đời và đã từng bước đi vào thực tiễn. Khi xây dựng hệ thống kế toán Ngân hàng thương mại ở Việt Nam chúng ta cũng đã tuân thủ những quy định của Pháp Lệnh này. Quá trình hoàn thiện kinh tế thị trường ở Việt Nam đồng thời với xu thế hội nhập với các Tổ chức tài chính quốc tế đòi hỏi phải tiếp cận những nguyên tắc, thông lệ về kế toán của Quốc tế. Quá trình xây dựng chính sách kế toán đối với ngân hàng

ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Quyết định thành lập Ngân hàng cổ phần đầu tiên với tên gọi là Ngân hàng Công thương thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Ngân hàng công thương). Đây là một Ngân hàng thương mại cổ phần có tư cách pháp nhân và hạch toán kinh doanh độc lập; là một Ngân hàng chuyên nghiệp trong hệ thống Ngân hàng Việt Nam trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và uỷ ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, kinh doanh tín dụng và các dịch vụ Ngân hàng theo các chính sách chế độ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, phục vụ cho các chương trình phát triển kinh tế trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Từ việc phối thai và hình thành Ngân hàng Công thương thành phố Hồ Chí Minh theo thời gian lần lượt các ngân hàng thương mại khác đã ra đời như: Ngân hàng Công thương Việt Nam; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam đã được hình thành trên cơ sở thay đổi mô hình tổ chức hiện tại và bổ sung chức năng nhiệm vụ, Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam được hình thành trên cơ sở Ngân hàng kiến thiết trước đây, Ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long và hàng loạt các Ngân hàng thương mại cổ phần, Ngân hàng liên doanh đã ra đời.

Trong một thời gian dài tại Việt Nam chưa dùng khái niệm chuẩn mực kế toán, mặc dù vẫn có thể chế nhà nước điều chỉnh công tác kế toán cả khi nền kinh tế đang trong giai đoạn chuyển đổi từ một nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường. Mọi chính sách chế độ của Nhà nước ban hành trong lĩnh vực kế toán áp dụng cho các ngân hàng thương mại đều được coi là những chuẩn mực có tính chất bắt buộc đối với các ngân hàng thương mại phải chấp hành. Đó là những quy định có tính chất nguyên tắc, mục thước về phương pháp hạch toán kế toán cũng như quy định về phương pháp và quy trình lập, gửi báo cáo kế toán phương pháp ghi chép và hạch toán cũng như các chế độ về bảo quản và lưu trữ chứng từ. Hiện tại hệ thống kế toán Ngân hàng thương mại đã được hình thành tuy nhiên trong giai đoạn hiện nay các chuẩn mực kế toán của Việt Nam đang được xây dựng và hoàn chỉnh, công bố dần theo xu hướng hội

2000, việc áp dụng chế độ báo cáo kế toán của các ngân hàng thương mại đã đi vào nề nếp, tuy nhiên vẫn còn nhiều bất cập. Đến tháng 8/2000, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục ban hành quyết định 516/2000/QĐ-NHNNI trong đó quy định chế độ báo cáo kế toán chung của Ngân hàng Nhà nước và của Ngân hàng thương mại.

Trong quá trình thực hiện vẫn còn nhiều vấn đề phải chỉnh lý cho phù hợp với thực tiễn và áp dụng theo chuẩn mực kế toán quốc tế nên đến 18/10/2002, Ngân hàng nhà nước đã ban hành chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chế độ này đã quy định tương đối đầy đủ về các loại báo cáo kế toán mà các tổ chức tín dụng phải thực hiện, đồng thời quy định rõ hình thức báo cáo và hướng dẫn phương pháp lập, cách nhật số liệu và tổng hợp từng loại báo cáo. Bên cạnh đó cũng đã quy định rõ quy trình gửi báo cáo kế toán và nêu rõ trách nhiệm của từng đơn vị, từng cấp trong vấn đề thu thập số liệu để lập và tổng hợp báo cáo kế toán.

+ Về chế độ chứng từ kế toán trong hoạt động của ngân hàng thương mại:

Xuất phát từ đặc điểm của hoạt động kinh doanh ngân hàng thương mại, chứng từ kế toán có khối lượng lớn, luân chuyển phức tạp. Hoạt động ngân hàng có rất nhiều nghiệp vụ, mỗi nghiệp vụ lại giao dịch liên quan đến nhiều khách hàng, đồng thời phải lưu trữ trong nhiều năm. Do vậy, cần phải có quy định về chứng từ kế toán trong hoạt động của các ngân hàng thương mại. Vấn đề chứng từ kế toán và việc lưu trữ nó trong thời đại bùng nổ và phát triển không ngừng của công nghệ thông tin cũng đã được tiến hành nghiên cứu và xây dựng cách thức thực hiện. Trước đây, khi chưa hình thành các ngân hàng thương mại ở Việt nam, trong hoạt động ngân hàng, việc lập và luân chuyển, kiểm soát chứng từ kế toán và bảo quản các tài liệu kế toán ở các cơ quan ngân hàng nhà nước cũng đã được quy định bằng các văn bản, chỉ thị do Ngân hàng Trung ương ban hành. Đến tháng 12/1996, Chế độ chứng từ kế toán ngân hàng, tổ chức tín dụng lại được hoàn chỉnh và quy định chặt chẽ hơn, thể hiện trong quyết định 321/QĐ-NHNN ngày 11/12/1996 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Vấn đề sử dụng

13/ Trình bày thời giao đảo hạn của các tài sản và công nợ.

14/ Trình bày mức độ tập trung của tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng.

15/ Thuyết minh về các tài sản được thế chấp làm đảm bảo.

16/ Các thuyết minh về chính sách kế toán.

17/ Lập dự phòng các khoản vay khó thu hồi.

18/ Giá trị trên sổ của các khoản đầu tư ngắn hạn.

19/ Giá trị trên sổ của các khoản đầu tư dài hạn.

20/ Tiền mặt và các khoản tương đương tiền.

21/ Kế toán thuế thu nhập.

Tuy nhiên, nếu so sánh chi tiết sự khác nhau của từng chuẩn mực, cho thấy sự khác nhau không đáng kể. Và nếu có, chủ yếu là các cơ chế, chính sách tài chính doanh nghiệp như tính, trích khấu hao tài sản cố định (IAS số 4), các khoản nợ bất thường (IAS số 10), dự phòng cho nghĩa vụ thuế trong tương lai (thuế lợi tức treo), thuế lợi tức được coi như chi phí kinh doanh (IAS số 12), trình bày biến động của giá cả (IAS số 15), ghi nhận doanh thu (IAS số 18), trợ cấp hưu trí (IAS Số 19), ...

Trên góc độ nhìn tổng thể nói về sự khác nhau cơ bản giữa chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) và hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) thì theo ý kiến của chúng tôi (có sự tham khảo ý kiến của một số chuyên gia kế toán nước ngoài) thì sự khác nhau này tập trung vào 3 vấn đề: Phạm vi, người sử dụng và đặc điểm định tính của những thông tin mà các hệ thống này chứa đựng.

#### ❖ Xét về Phạm vi áp dụng:

*Theo chuẩn mực kế toán Quốc tế (IAS) thì:*

Chuẩn mực kế toán quốc tế chỉ quan tâm đến các phương pháp kế toán và báo cáo tài chính. Các chuẩn mực tập trung vào quá trình "Lập và trình bày báo cáo tài chính phục vụ cho những người sử dụng bên ngoài doanh nghiệp". Chuẩn

- Báo cáo tài chính

❖ **Xét về Người sử dụng:**

*Theo chuẩn mực kế toán Quốc tế thì:*

Người sử dụng được đề cập tới nằm trong một phạm vi rộng hơn như: các nhà đầu tư hiện tại và tương lai, người lao động, chủ nợ, người cung cấp và các đối tượng tín dụng thương mại khác, khách hàng, Nhà nước và công chúng.

Theo chuẩn mực kế toán quốc tế, những người sử dụng đó có những yêu cầu và đòi hỏi khá khác nhau và báo cáo tài chính không thể thỏa mãn được yêu cầu của từng đối tượng sử dụng thông tin tài chính. Khung mẫu cho rằng việc đáp ứng được yêu cầu của các nhà đầu tư sẽ gần như đáp ứng được hết các yêu cầu của các đối tượng khác sử dụng báo cáo tài chính.

Chuẩn mực kế toán quốc tế được thiết lập trên cơ sở các yêu cầu của người sử dụng thông tin tài chính. Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế đã xác định rằng các chuẩn mực kế toán không đáp ứng thỏa đáng nhu cầu của các nhà đầu tư chính là một trong những nguyên nhân góp phần vào cuộc khủng hoảng kinh tế Châu á.

*Theo quy định của hệ thống kế toán Việt Nam thì:*

Người sử dụng thông tin tài chính chủ yếu là các cơ quan quản lý Nhà nước như Bộ Tài chính, cơ quan thuế, Tổng cục Thống kê và BỘ Kế hoạch và đầu tư.

Hệ thống kế toán Việt Nam được thiết kế dựa trên cơ sở yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước. Trên thực tế, một phần là đáp ứng yêu cầu quản lý của cơ quan thuế.

❖ **Xét về các đặc điểm định tính của báo cáo:**

*Theo chuẩn mực kế toán Quốc tế thì:*

Cách tiếp cận của IAS là mô tả các thuộc tính giúp cho báo cáo tài chính trở nên hữu ích đối với người sử dụng; Người lập báo cáo tài chính phải đảm bảo

- *Tính so sánh*: Người sử dụng phải có khả năng so sánh các báo cáo tài chính:

+ *Về mặt thời gian*, để xác định các xu hướng hoạt động tài chính và vị trí của một doanh nghiệp.

+ *So sánh doanh nghiệp này với doanh nghiệp khác*: những người sử dụng, ví dụ như các nhà đầu tư, nhà cung cấp và khách hàng, phải có đủ khả năng lựa chọn hợp lý giữa các doanh nghiệp.

#### *Theo quy định của hệ thống kế toán Việt Nam thì:*

Hệ thống kế toán Việt Nam quy định hình thức của các báo cáo tài chính và các yếu tố khác của báo cáo tài chính cũng như yêu cầu trình bày thông tin trong báo cáo tài chính và trong thuyết minh báo cáo tài chính. Tuy nhiên, nó lại hướng dẫn rất ít về cách tính toán các mục trong báo cáo tài chính. Ví dụ là phải trình bày lãi thuần nhưng, không có hướng dẫn nào nói về cách tính toán lãi thuần này. Trên thực tế, có nhiều công ty chỉ xem xét yêu cầu của Cục Thuế hoặc các cơ quan thuế cấp quận, huyện, tỉnh khi lập báo cáo tài chính của họ.

Chính vì vậy, người ta có thể tạo ra một bộ các báo cáo tài chính phù hợp với VAS nhưng lại không cung cấp đủ thông tin, chẳng hạn như các khoản nợ tiềm tàng hoặc các sự kiện xảy ra sau ngày lập Bảng Cân đối kế toán là những thông tin mà các nhà đầu tư và những người sử dụng khác cần để ra những quyết định mang tính kinh tế, ví dụ như có nên đầu tư vào một doanh nghiệp hay không? Trên khắp thế giới, có nhiều nước đã nhận ra rằng việc các báo cáo tài chính cung cấp đầy đủ các thông tin hữu ích là điều rất quan trọng đối với cổ phần hóa.

**Tóm lại**: Hệ thống kế toán Việt Nam và IAS có một số điểm khác nhau, xuất phát từ các nhu cầu của người sử dụng chúng. Trên thực tế có rất ít trường hợp trong đó VAS và IAS yêu cầu các cách hạch toán khác nhau đối với thông tin tài chính; Trong nhiều trường hợp, các báo cáo tài chính có thể phù hợp với cả VAS lẫn IAS. Tuy nhiên, cũng có nhiều trường hợp VAS không phát huy tác dụng hoặc ứng dụng của nó không rõ ràng. Bên cạnh sự so sánh trên đây thì còn

chính phủ bao gồm: Bộ Tài chính; Cục Thuế; Cục thống kê; Bộ Kế hoạch và Đầu tư

### **3.1.3- Tài sản cố định hữu hình:**

*Theo chuẩn mực kế toán Quốc tế*

Nguyên giá hoặc đánh giá lại dựa theo giá thị trường.

Tỷ lệ khấu hao được tính theo thời gian hữu dụng ước tính của tài sản và giá trị thu hồi ước tính.

*Theo quy định của hệ thống kế toán Việt Nam*

Nguyên giá bao gồm:

- Chi phí xây dựng, lắp đặt chạy thử (bao gồm lãi vay đầu tư)
- Vốn góp ban đầu của các bên liên doanh
- Do cơ quan Nhà nước qui định chuyển giao

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo thời gian hữu dụng ước tính, nhưng không tính đến giá trị thu hồi ước tính. Hơn nữa, phải phù hợp với Quyết định 1062/TC/QĐ/CSTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 14/ 11/1996.

### **3.1.4-Tài sản cố định vô hình:**

*Theo chuẩn mực kế toán Quốc tế*

Chi phí nghiên cứu, phát triển và chi phí bảo hành khi phát sinh được hạch toán trong kỳ.

Lợi thế thương mại được khấu hao.

*Theo quy định của hệ thống kế toán Việt Nam*

Chi phí nghiên cứu, phát triển được ghi nhận như tài sản cho đến khi hoạt động kinh doanh được thực hiện theo thời gian hữu dụng của các tài sản này (dựa trên chi phí thực tế).

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo thời gian hữu dụng có thể sinh lợi (theo Quyết định 1062/TC/QĐ/CSTC ngày 4/11/1996).

### **3.1.5- Các khoản đầu tư :**

*Theo chuẩn mực kế toán Quốc tế*



quản lý khác không được chấp nhận. Ghi giảm được phản ánh trên tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán.

### **3.1.8- Chi phí phải trả:**

*Theo chuẩn mực kế toán Quốc tế*

Chi phí phải trả cho các chi phí phát sinh trong kỳ, bao gồm các chi phí không được kết chuyển trong hệ thống kế toán vào cuối kỳ.

*Theo quy định của hệ thống kế toán Việt Nam*

- Chi phí phải trả bao gồm:

+ Chi phí phải trả cho tiền lương nghỉ phép.

+ Chi phí sửa chữa tài sản cố định đã được dự tính và phê chuẩn.

+ Chi phí phải trả cho các hoạt động xảy ra trong tương lai đã được dự tính và qui định trong kỳ hiện tại.

+ Chi phí bảo hành khi được dự đoán chính xác.

+ Chi phí lãi tiền vay

### **3.1.9- Dự phòng:**

*Theo chuẩn mực kế toán Quốc tế*

Dự phòng được lập cho các khoản lỗ thường khi các khoản lỗ này có thể ảnh hưởng trọng yếu đến cuối kỳ đó.

*Theo quy định của hệ thống kế toán Việt Nam*

Không có dự phòng cho khoản lỗ bất thường.

### **3.1.10-Thuế:**

*Theo chuẩn mực kế toán Quốc tế*

Dự phòng cho các khoản thuế phải trả trong tương lai liên quan đến các sự kiện đã phát sinh trong kỳ. Khoản dự phòng này được ghi nhận như một khoản thuế hoãn lại.

*Theo quy định của hệ thống kế toán Việt Nam*

Không có thuế trả chậm.

lại ở nguyên tắc ghi chép và hạch toán mà chuẩn mực kế toán còn bao gồm cả những nguyên tắc quy định về tài chính và luật thuế. Hiện nay ở nước ta chúng ta có pháp lệnh kế toán - Thống kê và hệ thống kế toán thường quy định trên cơ sở các chế độ tài chính, luật thuế. Đánh giá một cách khách quan là hệ thống kế toán hiện hành của ngân hàng thương mại ở Việt Nam đã có sự vận dụng chọn lọc các nguyên tắc thông lệ và chuẩn mực kế toán phổ biến ở các nước trên thế giới, đã đáp ứng được yêu cầu thông tin, yêu cầu quản lý của Nhà nước. Hệ thống kế toán ngân hàng thương mại ở Việt Nam đã được thiết lập trên nguyên tắc hiệu quả thống nhất, dễ làm, dễ hiểu và dễ kiểm tra kiểm soát trong một chừng mực nào đó khi muốn chuyển đổi báo cáo tài chính ngân hàng thương mại ở Việt Nam theo các chuẩn mực kế toán Quốc tế thì cũng có thể thực hiện không mấy khó khăn. Đối tác có thể hiểu được tình hình tài chính kinh doanh trên cơ sở kết quả chuyển đổi đó. Tuy nhiên, trong thực tế hệ thống kế toán hiện hành, chúng tôi thấy cũng đã bộc lộ những tồn tại nhất định, Ví dụ: Việc lập báo cáo tài chính chung của một ngân hàng thương mại có nhiệm vụ tổng hợp, bao gồm nhiệm vụ huy động vốn, cho vay đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý chi tiêu sự nghiệp. Bản thân 3 loại hoạt động này được chi phối theo các chế độ kế toán khác nhau, theo đó phải lập báo cáo tài chính riêng, nhưng lại nằm chung trong yêu cầu quản lý của một ngân hàng thương mại. Những vấn đề này chưa được giải quyết trong chế độ kế hiện nay, hoặc là trong chế độ kế toán ngân hàng thương mại hiện nay chúng ta cũng chỉ mới quy định và đưa ra những nghiệp vụ kinh tế chủ yếu, còn các nghiệp vụ kinh tế khác chưa được đề cập giao cho Tổng giám đốc ngân hàng thương mại quy định đã gây nên những trở ngại trong việc thực hiện nhiệm vụ kế toán - Tài chính. Một số vấn đề khác nữa là có những nội dung chế độ kế toán đã quy định nhưng chế độ tài chính chưa đề cập (do ra không kịp thời hoặc không có quy định cụ thể) thì tính hiệu lực của chế độ kế toán là không thực thi quy trình hoàn thiện hệ thống kế toán của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam phải lấy chuẩn mực kế toán Quốc tế do uỷ ban chuẩn mực kế toán Quốc tế công bố và được thừa nhận, phổ biến ở nhiều nước làm căn cứ định hướng. Các chuẩn mực kế toán Quốc tế được nghiên cứu xây dựng, đúc

Thực tiễn cho thấy có nhiều quy định không đi vào được đời sống xã hội không được mọi người quan tâm vì nó không phù hợp với trình độ nhận thức và cũng có những điểm không phù hợp với tập quán của lĩnh vực đó và dân tộc Việt Nam.

Sau khi nghiên cứu và tìm hiểu một số chuẩn mực có tính chất mang tính thông lệ rộng rãi trên cơ sở hệ thống luật pháp của Việt Nam đặc biệt là các quy định trong lĩnh vực quản lý kinh tế chúng tôi nhất trí với quan điểm là có một số khác biệt sau đây:

### 3.2.1- So sánh ở khía cạnh tổng quan:

Trên thực tế hiện nay trong quản lý nền kinh tế nước ta chưa nhận thức đúng đắn về vai trò tác dụng của công tác kế toán nói chung, hệ thống chính sách kế toán nói riêng. Cách làm ăn còn tùy tiện cơ chế cũ chưa bị xoá bỏ hoàn toàn cơ chế mới đang hình thành nhưng chưa đồng bộ và ổn định, điều kiện giao lưu với bên ngoài còn hạn hẹp. Công tác kế toán và thống kê đôi khi còn lẫn lộn trong quá trình hoạt động của các Ngân hàng thương mại. Hệ thống kế toán Ngân hàng thương mại ở Việt Nam còn có những sự khác biệt với chuẩn mực kế toán Quốc tế là điều không thể tránh khỏi, những vấn đề đó chúng ta phải biết và nhận thức được để sớm hoàn thiện và hội nhập hoạt động Ngân hàng với các nước trong khu vực và trên thế giới. Qua nghiên cứu cho thấy sự khác nhau sau:

**Biểu 4 - So sánh tổng quan giữa IAS và V.A.S đối với Ngân hàng**

	IAS	VAS
1.Về Nguyên tắc chung	<ul style="list-style-type: none"> <li>• IAS là một tập hợp các nguyên tắc và thông lệ quốc tế chung được chấp nhận. Những nguyên tắc này không bị ràng buộc về yếu tố pháp lý nhưng đưa ra những thông lệ được khuyến cáo tốt nhất.</li> </ul>	VAS bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hệ thống tài khoản kế toán, gồm cả nội dung tài khoản và cấu trúc;</li> <li>• Mô tả cách thức hành tự trong một số giao dịch nhất định; và</li> <li>• Mô tả các mẫu và quy định đối với nội dung và phương</li> </ul>

	<p>tuân theo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Theo IAS, quan điểm “chuẩn xác và hợp lý” được sử dụng trong việc trình bày các Báo cáo tài chính. Do đó, IAS chỉ là một hướng dẫn để đảm bảo việc trình bày các báo cáo tài chính được chuẩn xác và hợp lý, không cần phải tuân theo chi tiết nếu như việc áp dụng đó không gây ra quan điểm chuẩn xác và hợp lý.</li> </ul>	<p>ng nghiệp vụ ngân hàng hiện đại chưa được thể hiện qua các bút toán kế toán.</p>
<p>4-Các khoản mục và tài khoản ngoại bảng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>IAS xem “các khoản mục ngoại bảng” như là các tài sản Nợ và cam kết bất thường.</li> <li>Về đặc trưng, các khoản mục này không được ghi chép trong kế toán đồ mà được ghi trong các tài khoản ngoại bảng ở bên ngoài và được thể hiện công khai chi tiết trong các báo cáo tài chính.</li> <li>Theo Thực hành kế toán quốc tế, L/C trả chậm có</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>VAS coi các khoản mục ngoại bảng như là các tài khoản ngoại bảng và liệt kê danh mục các khoản mục ngoại bảng cần được theo dõi. Danh mục này bao gồm cả các khoản mục không phải là các tài sản Nợ và cam kết bất thường (chẳng hạn như tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, tiền mặt, giấy tờ có giá bằng ngoại tệ, lãi phải thu, tài sản dùng trong cho thuê tài chính, các khoản Nợ xấu.</li> </ul>

	<p>cáo tài chính của các ngân hàng và các định chế tài chính tương tự ngân hàng) bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công khai chế độ kế toán;</li> <li>- Yêu cầu các mục tối thiểu cần được công khai trong bảng tổng kết tài sản và báo cáo lãi lỗ;</li> <li>- Công khai đáo hạn tài sản Nợ và tài sản Có;</li> <li>- Công khai mức độ tập trung vào tài sản Có, tài sản Nợ, các khoản mục ngoại bảng;</li> <li>- Công khai chi tiết về vốn vay (bao gồm việc chuyển trọng các khoản mục dự phòng); và</li> <li>- Các giao dịch với các bên có liên quan.</li> </ul>	
<p><b>6-Ngôn ngữ</b></p>	<p>IAS không có các yêu cầu nào về ngôn ngữ dùng trong ghi chép kế toán và báo cáo tài chính.</p>	<p>Việc sử dụng tiếng Việt theo VAS là bắt buộc. Ngôn ngữ dùng trong báo cáo tài chính hoặc phải bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Việt và một ngôn ngữ dùng phổ biến khác. Chưa có ngoại lệ đối với quy định</p>

<p>giá trị hợp lý của các tài sản tài chính. Không có một phương pháp chặt chẽ nào để quyết định giá trị hợp lý này. Tuy nhiên, cần phải công khai phương pháp trong các báo cáo tài chính.</p> <p>Theo IAS, cần phải tính tất cả các yếu tố có liên quan khi xem xét mức độ dự phòng áp dụng</p>	<p>12 hàng năm. Tỷ lệ trích lập dự phòng sẽ khác nhau theo khoảng thời gian của khoản nợ quá hạn. Việc xoá nợ các khoản cho vay và ứng trước cũng được thực hiện theo quy định của SBV.</p> <p>VAS chỉ đề cập đến tình trạng quá hạn của khoản vay.</p> <p>Quyết định số 488/2000/QĐ-NHNN5 ngày 27-11-2000 của Thống đốc NHNNVN yêu cầu phải trích dự phòng cho các khoản vay và ứng trước vào cuối năm trên cơ sở tình trạng nợ quá hạn vào ngày 30 tháng 11 mỗi năm. Các khoản cho vay và ứng trước có bảo đảm cũng như không có bảo đảm sẽ chỉ được phép xoá nợ trích từ dự phòng khi mà quá hạn 721 ngày và 361 ngày tương ứng. Nếu như không yêu cầu thời gian dài hơn, các khoản dự phòng không được chuyển cho đến ngày 1/3 của năm tiếp theo.</p> <p>Ngoài các khoản dự trữ tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước thì không có</p>
---	---

<p>8.6. <i>Chuyển đổi tiền tệ</i></p>	<p>Chuẩn mực IAS 39 đưa ra cách thức ghi các tài sản tài chính phái sinh và các khoản tài sản nợ dựa trên nguyên tắc “giá trị ngang bằng”.</p>	<p>chấm dứt hợp đồng lao động, người lao động làm việc thường xuyên cho một ngân hàng ít nhất 1 năm có quyền được nhận khoản trợ cấp thôi việc từ ngân hàng theo tỷ lệ nửa tháng lương cộng phụ cấp cho mỗi năm làm việc.</p> <p>Nhìn chung thì VAS cho phép việc chuyển đổi tiền tệ theo chuẩn mực quốc tế. Các Tài sản Có và Tài sản Nợ tiền tệ bằng các đồng tiền không phải là đồng tiền hạch toán (VND) được chuyển sang VND theo tỉ giá xấp xỉ bằng tỉ giá của ngày ghi trên bảng tổng kết tài sản đó, và các giao dịch bằng các đồng tiền không phải là đồng Việt Nam trong một khoảng thời gian sẽ được chuyển đổi theo tỉ giá phổ biến tại các ngày giao dịch đó. Chênh lệch do việc chuyển đổi sẽ được ghi vào bảng lãi - lỗ.</p>
<p>8.7. <i>Thay đổi trong</i></p>	<p>IAS quy định rằng việc thay đổi trong chính sách kế toán chỉ được thực hiện trong</p>	<p>Hiện tại SBV không có quyết định về việc đánh giá lại các cam kết mở đối với các hợp</p>

	<p>IAS yêu cầu việc trình bày về các chính sách kế toán chủ yếu trong báo cáo tài chính.</p> <p>IAS yêu cầu về sự trình bày những thay đổi các chính sách kế toán chủ yếu cùng với những ảnh hưởng của những thay đổi đó.</p>	<p>trong Báo cáo tài chính được qui định cụ thể ở phần so sánh Chuẩn mực số 5</p> <p>VAS không đề cập đến sự cần thiết của việc trình bày những thay đổi trong các chính sách kế toán. Tuy nhiên, VAS có yêu cầu việc áp dụng một cách thống nhất các chính sách kế toán.</p>
<p><u>Chuẩn mực số 8</u>: Lãi, lỗ trong kỳ, những sai sót cơ bản và các thay đổi trong chính sách kế toán</p>	<p>Những khoản mục của kỳ trước và những thay đổi trong chính sách kế toán cần được thực hiện theo một trong các phương pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều chỉnh lãi lưu giữ đầu kỳ hoặc vốn của kỳ hiện tại; sửa đổi báo cáo lãi lỗ kỳ trước.</li> <li>- Trình bày riêng biệt trong báo cáo lãi lỗ trong kỳ hiện tại.</li> </ul> <p>Các khoản mục bất thường được định nghĩa là những</p>	<p>Hệ thống kế toán Ngân hàng thương mại Việt Nam đòi hỏi việc áp dụng thống nhất các hình thức kế toán trong kỳ. Những thay đổi đều phải được trình bày trong báo cáo.</p> <p>Việc trình bày chi tiết những điều chỉnh của năm trước không được đề cập trong hệ thống kế toán Ngân hàng thương mại Việt Nam.</p> <p>hệ thống kế toán Ngân hàng thương mại Việt Nam có quy định một số khoản thu nhập và chi phí nhất định được coi là thu nhập và chi phí bất thường.</p>



Trong trường hợp những sự kiện xảy ra sau ngày lập bảng tổng kết tài sản không gây ảnh hưởng đến tình hình tài sản và công nợ của doanh nghiệp tại ngày lập bảng tổng kết tài sản thì không cần thiết phải điều chỉnh tài sản và công nợ nhưng phải trình bày trên báo cáo những sự kiện bất thường đó bởi điều quan trọng là việc không trình bày những sự kiện này sẽ ảnh hưởng đến khả năng sử dụng của người sử dụng báo cáo tài chính trong việc đánh giá và đưa ra quyết định.

Chuẩn mực số  
12: Kế toán thuế  
thu nhập

Dự phòng được lập cho những khoản thuế phải trả trong tương lai liên quan đến kỳ hiện tại. Những khoản mục này cần được hạch toán là khoản thuế lưu giữ. Những khoản thuế chưa nộp không được hạch toán và không được chuyển sang kỳ trước ngoại trừ một số trường hợp ngoại lệ.

Vấn đề thuế lưu giữ không được đề cập.

		<p>cầu khách hàng với nguồn thu bằng tiền hoặc những hàng hóa dịch vụ đã cung cấp được chấp nhận hay cam kết thanh toán thông qua hợp đồng hoặc các văn bản khác.</p> <p>Đối với doanh thu hàng trả góp, số tiền khách hàng phải trả thông thường bao gồm giá ghi trên hóa đơn và lãi suất được tính. Doanh thu ghi nhận là giá bán của hàng hóa. Lãi suất được coi là doanh thu hoạt động tài chính và cũng được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.</p>
<p><u>Chuẩn mực số 21</u>: Kế toán những ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái</p>	<p>IAS có quy định chi tiết kế toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và việc chuyển đổi báo cáo tài chính của doanh nghiệp nước ngoài.</p>	<p>Hệ thống kế toán Ngân hàng thương mại Việt Nam đề cập đến nội dung các nghiệp vụ kế toán ngoại tệ cơ bản.</p> <p>Đối với các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ (như tiền, phải thu, phải trả), tài khoản sẽ được thể hiện bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá công bố của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm phát</p>

	<p>hạch toán theo hình thức mua bán</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả hoạt động của các chi nhánh được hợp nhất</li> <li>- Các đơn vị thành viên được hạch toán theo nguyên tắc vốn sở hữu hoặc nguyên tắc giá gốc trong một số trường hợp ngoại lệ.</li> </ul>	<p>ngành đầu tư có thể hạch toán vốn góp của mình đối với thu nhập và chi phí của liên doanh mà doanh nghiệp đầu tư góp vốn. Việc hạch toán không được phân biệt rõ ràng giữa cơ sở hạch toán thanh toán tiền hoặc dồn tích.</p>
<p><u>Chuẩn mực số 27</u>: Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào các công ty trực thuộc</p>	<p>Công ty mẹ phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cần thực hiện hợp nhất đối với tất cả các thành viên, trong và ngoài nước trừ các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a/ Việc kiểm soát đơn vị thành viên chỉ mang tính chất tạm thời do đơn vị này bị mua lại và được quản lý trên quan điểm có khả năng bán lại trong thời gian tới.</li> <li>b/ Đơn vị thành viên hoạt động bị quản lý chặt chẽ dài hạn dẫn tới suy giảm khả năng chuyển vốn về công ty mẹ.</li> </ul>	<p>Hợp nhất báo cáo tài chính các đơn vị thành viên không được đề cập trong hệ thống kế toán Ngân hàng thương mại Việt Nam.</p> <p>Tuy nhiên, tại điểm 3, Điều 12 Pháp lệnh số 06-LCT/HDNN ngày 20/5/1988 nói rằng báo cáo kế toán của các đơn vị quản lý cấp trên được lập trên cơ sở các báo cáo của các đơn vị cấp dưới.</p>
<p><u>Chuẩn mực số 28</u>: Kế toán các</p>	<p>Trên cơ sở từng tình huống, các nguyên tắc vốn sở hữu</p>	<p>Chỉ đề cập đến việc đầu tư trong công ty liên doanh.</p>

	<p>Một hoạt động đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh đến việc sử dụng tài sản và các nguồn lực khác của đối tác liên doanh mà không lập ra một pháp nhân độc lập.</p> <p>Hướng dẫn chi tiết kế toán doanh nghiệp liên doanh được đề cập đầy đủ trong IAS.</p>	<p>Việt Nam với một hoặc trên thực hiện đầu tư và kinh doanh tại Việt Nam. Công ty liên doanh là một tư pháp nhân độc lập.</p> <p>Một liên doanh, nếu theo định nghĩa nêu trong Chuẩn mực số 31, thì tương đương với hình thức đầu tư trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trong Luật đầu tư nước ngoài.</p>
<p><u>Chuẩn mực số 32</u>: Các công cụ tài chính: diễn giải và trình bày</p> <p>Các nội dung khác biệt</p>	<p>Hướng dẫn về việc diễn giải và trình bày các công cụ tài chính được đề cập trong IAS.</p> <p>Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được trình bày trong một tài khoản riêng biệt khi sử dụng để thu mua (ví dụ như đầu tư).</p>	<p>Diễn giải và trình bày về các công cụ tài chính không được đề cập trong hệ thống kế toán Ngân hàng thương mại Việt Nam.</p> <p>Theo tình hình hiện trạng kinh doanh tại Việt Nam việc buôn bán trao tay vẫn còn phổ biến nên vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được xem như những công cụ tương đương tiền.</p>

- có thể phải có một dòng tiền rút ra khỏi nguồn vốn kèm theo các lợi ích kinh tế để thanh toán khoản nợ, và  
- có thể đưa ra một đánh giá tin cậy về số lượng của khoản nợ

Các khoản dự phòng cần phải được xem xét lại vào mỗi ngày lập bảng TKTS và được điều chỉnh để phản ánh cách đánh giá tốt nhất theo hiện tại.

\*/ Các khoản nợ bất thường:

Doanh nghiệp không được công nhận một khoản nợ bất thường. Các khoản nợ bất thường được đánh giá liên tục để quyết định xem liệu một dòng tiền rút ra khỏi nguồn vốn kèm theo các lợi ích kinh tế là có khả năng thực hiện hay không. Khi điều đó là có khả năng xảy ra cho một khoản mục trước đây đã được xử lý là nợ bất thường, thì việc dự phòng được công nhận.

	<p>sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Là kết quả của một sự kiện trong quá khứ</li> <li>+ Có nhiều khả năng là phải sử dụng nguồn vốn của NH để thực hiện nghĩa vụ đó;</li> <li>+ Nghĩa vụ đó được ước tính về giá trị một cách đáng tin cậy.</li> </ul>	
<p><i>Chuẩn mực 39:</i>          Các công cụ tài chính: ghi nhận và đo lường</p>	<p>- Theo chuẩn mực này, tất cả tài sản tài chính và Nợ tài chính cần phải được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán, bao gồm cả công cụ phái sinh (<i>derivatives</i>). Trước tiên chúng phải được tính theo chi phí, đó là theo giá trị thực tế của khoản đưa ra hay của khoản hoàn trả nhận được đối với tài sản /nợ tài chính (<i>cộng cả các khoản lãi và lỗ bù trừ/hedging</i>).</p> <p>- Tiếp theo ghi nhận ban đầu, tất cả tài sản tài chính cần phải được tính lại theo giá thực tế, trừ những khoản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ khoản cho vay/ phải thu</li> </ul>	<p>Chưa có quy định cụ thể vì nghiệp vụ về các công cụ phái sinh chưa phát triển ở Việt Nam</p>

	<p>- Thiết lập các điều kiện để xác định khi nào việc kiểm soát các tài sản hoặc nợ tài chính được chuyển cho đối tác khác. Đối với tài sản tài chính, việc chuyển giao thông thường sẽ được ghi nhận nếu (i) người được chuyển giao có quyền bán hoặc cầm cố tài sản và (ii) người chuyển giao không có quyền đòi lại tài sản được chuyển giao trừ khi tài sản đó sẵn sàng nhận được trên thị trường hoặc giá mua lại là giá trị thực tế vào lúc mua lại.</p>	
--	--	--

### 3.2.3/ So sánh theo từng khoản mục và nghiệp vụ cụ thể:

Với một khía cạnh khác, ngoài những khác biệt trên, đi vào từng khoản mục và nghiệp vụ cụ thể dựa trên nền tảng là các chuẩn mực kế toán và thông lệ quốc tế và các nguyên tắc xây dựng hệ thống kế toán của Việt Nam nói chung, của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam nói riêng trong giai đoạn hiện nay, chúng tôi rút ra thêm những khác biệt giữa hệ thống kế toán hiện hành đối với các Ngân hàng thương mại và các chuẩn mực kế toán thông lệ quốc tế như sau:

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bồi hoàn tối đa cho người gửi tiền là 30 triệu</li> <li>- Phí bảo hiểm tiền gửi là một khoản chi phí được khấu trừ</li> </ul>
3. Chứng chỉ tiền gửi	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ghi theo giá trị đã nhận</li> <li>• Chi phí tiền lãi được ghi trên cơ sở cộng dồn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ghi theo mệnh giá</li> <li>• Chi phí tiền lãi được ghi trên cơ sở cộng dồn</li> </ul>
4. Tiền vay	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ghi nhận theo giá trị còn lại</li> <li>• Chi phí lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở trích trước</li> <li>• Tổng số tài sản Nợ được đảm bảo bằng tài sản của NH được công khai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ghi nhận theo giá trị còn lại</li> <li>• Chi phí lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở trích trước</li> <li>• Không có yêu cầu về công bố công khai</li> </ul> <p><i>TTư 48/1999/NHNN: Các khoản vay ngoại tệ từ nước ngoài phải được NHNN phê duyệt</i></p>
5. Tài sản cố định	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ghi nhận theo nguyên giá hoặc giá đã đánh giá lại (nếu như có sự đánh giá lại của tổ chức chuyên nghiệp)</li> <li>• Khấu hao dựa trên thời gian sử dụng dự kiến</li> <li>• Lãi/ Lỗ từ việc thanh lý TSCĐ được ghi nhận vào báo cáo thu nhập, chi phí</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ghi nhận theo nguyên giá</li> <li>• Khấu hao theo tỷ lệ được quy định bởi Bộ Tài chính.</li> <li>• Lãi/ Lỗ từ việc thanh lý TSCĐ được ghi nhận vào báo cáo thu nhập, chi phí</li> </ul>



	<p><i>đích thương mại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chiết khấu theo giá trị danh nghĩa được khấu hao theo thời hạn của trái phiếu</li> <li>• Thu nhập lãi được ghi nhận ghi phát sinh</li> <li>• Việc công bố yêu cầu gồm: (i) phân theo loại (ii) dự phòng giảm giá (iii) nơi chúng được nắm giữ như vật cầm cố và (iv) giá thị trường của chúng, khoản thương mại hay các chứng khoán đầu tư có thể bán trên thị trường nếu như những chứng khoán này khác nhau về khối lượng mua bán.</li> </ul>	<p><i>chính cho khấu hao của tiền mua trong thời hạn của trái phiếu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chiết khấu trái phiếu không được khấu hao một cách thống nhất trong suốt thời gian của trái phiếu</li> <li>• Thu nhập lãi được ghi nhận khi thực tế nhận được</li> <li>• Không có chính sách về việc công bố</li> </ul>
<p><b>8. Đầu tư</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hạch toán theo giá thấp hơn giữa nguyên giá và giá trị có thể thu hồi được nếu có giảm giá tạm thời</li> <li>• Khi NH có ảnh hưởng đáng kể (tức là có đầu tư vào một công ty con), họ thường hạch toán vào sổ sách của</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ghi nhận theo nguyên giá</li> <li>• Cổ tức được ghi nhận trên cơ sở thực thu</li> <li>• Không làm bút toán trong sổ kế toán đối với tỷ phần của NH về lãi/lỗ và tài sản/công nợ của công ty con.</li> </ul>

	lãi được ghi nhận trên cơ sở cộng dồn (accrual)	trên cơ sở cộng dồn (accrual).
10. Ngoại hối	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tất cả các tài sản và công nợ bằng tiền tại ngày cuối năm đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại thời điểm cuối năm. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh.</li> <li>Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá tại ngày phát sinh</li> <li><i>Tất cả các tài sản và công nợ không phải là tiền được đánh giá lại, <u>sử dụng tỷ giá tại ngày phát sinh.</u></i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tất cả các tài sản và công nợ bằng tiền tại ngày cuối năm đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại thời điểm cuối năm. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh.</li> <li>Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá tại ngày phát sinh.</li> <li><i>Các tài sản không phải bằng tiền (đầu tư liên doanh vào công ty khác) <u>được báo cáo theo tỷ giá tại thời điểm cuối năm.</u></i></li> </ul>
11. Vốn và dự trữ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vốn cổ phần được ghi theo giá trị của tài sản được góp khi thành lập hoặc thông qua các đợt phát hành cổ phiếu</li> <li>Lợi tức để lại gồm lỗ/lãi tích lũy trừ đi cổ tức phải trả và phân bổ cho các quỹ dự trữ cụ thể</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vốn pháp định được ghi theo giá trị quy định lúc hành lập NH và sau đó nếuگان hàng thương mại QD ược NHNN bổ sung dưới ình thức tiền mặt hay tài sản.</li> <li>Lợi tức để lại gồm lỗ/lãi lũy kế sau khi phân bổ ho Quỹ phát triển kinh doanh, Quỹ phúc lợi và quỹ</li> </ul>

	<p>ghi như là chi phí và hoa hồng nhận được.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các hợp đồng tín thác lớn liên quan bởi NH cần được công bố</li> </ul>	<p>áo lãi/lỗ trên cơ sở thực thu, hực chi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Không có chế độ vé iệc công bố</li> </ul>
13. Giao dịch liên hàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số dư liên hàng được điều chỉnh thường xuyên và được tất toán khi lập báo cáo tài chính</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không có quy định cụ thể về việc xoá số dư liên hàng hi lập báo cáo tài chính. Trên hực tế, vào cuối năm, NH hường xoá số dư liên hàng rên cơ sở tổng hợp của cả hệ hống. Trong năm, số dư này hường không được điều chỉnh à được xoá khi lập báo cáo ài chính vào cuối quý.</li> </ul>
14. Bảo lãnh, Cam kết và các khoản phát sinh bất thường	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Được ghi ngoài bảng tổng kết</li> <li>• Trích dự phòng cho mất mát dự tính</li> <li>• Phí áp dụng cho giai đoạn mà bảo lãnh hay cam kết có hiệu lực</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Được ghi vào tài khoản ngoài bảng. Tuy nhiên không ó quy định cụ thể về toàn bộ ác khoản ngoài bảng này. Vì hế, các rủi ro tiềm tàng liên uan đến các khoản ngoài àng thường không được chú đến nhiều.</li> <li>• Không trích dự phòng ho các khoản mất mát có thể ảy ra</li> <li>• Phí được ghi trên cơ sở hực thu, thực chi</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Lãi, cổ tức, lỗ và thu nhập từ các công cụ tài chính được phân loại như tài sản Có hay tài sản Nợ cần được ghi vào lãi/lỗ như là phân chi phí/thu nhập</li> <li>• Phân phối cho người nắm giữ công cụ tài chính được phân loại như là một công cụ vốn cổ phần sẽ được người phát hành ghi Nợ vào vốn chủ sở hữu</li> <li>• Sẽ không có việc bù trừ giữa tài sản Có và tài sản Nợ tài chính trừ khi có quy định của luật hoặc việc quyết toán dự định sẽ tiến hành trên cơ sở rỗng hay đồng thời</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• giống như IAS</li> <li>• Sẽ không có việc bù trừ giữa tài sản Có và tài sản Nợ tài chính</li> </ul>
<b>16. Lập Báo cáo tài chính</b>	<p>Lập Bảng cân đối kế toán (Bảng TKTS) và các tài khoản lỗ và lãi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các khoản mục được thể hiện trên Bảng cân đối kế toán theo khả năng thanh khoản</li> <li>• Báo cáo kết quả kinh doanh: Các khoản thu nhập, chi phí được nhóm theo bản chất, bao gồm thu nhập về lãi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các khoản mục được thể hiện trên Bảng cân đối kế toán theo khả năng thanh khoản</li> <li>• Báo cáo kết quả kinh doanh: Các khoản thu nhập, chi phí được nhóm theo bản chất, bao gồm thu nhập về lãi</li> </ul>

	<p><i>thời gian hạch toán thu nhập và chi phí ở các giai đoạn khác nhau vì mục đích thuế và hạch toán kế toán</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Yêu cầu công bố:</i></li> <li>(i) <i>Phân tích về việc thay đổi thuế thu nhập trả chậm</i></li> <li>(ii) <i>Phân tích các nhân tố có thể quy cho việc trả chậm (đối với thuế thu nhập, tài sản Có và tài sản Nợ) và quy cho tính rỗng của những nhân tố này</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Không yêu cầu cụ thể về iệc công bố, tuy nhiên việc ông khai chi tiết thuế sẽ do hi cục thuế địa phương yêu cầu theo quý</i></li> </ul>
--	--	---

Thông qua việc nêu và phân loại các tiêu chí, những vấn đề chưa thống nhất giữa ISAS và hệ thống kế toán ngân hàng thương mại ở Việt nam trên đây có thể rút ra một số ý kiến như sau:

1-Từ việc so sánh những điểm giống và khác biệt giữa hệ thống kế toán Ngân hàng thương mại Việt Nam với chuẩn mực kế toán Quốc tế cho thấy bối cảnh nền kinh tế nước ta xuất phát từ một nền kinh tế còn đang phát triển ở một trình độ thấp, các Ngân hàng thương mại ở Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi và bổ sung thêm các chức năng nhiệm vụ theo hướng kinh doanh đa năng, hoạt động kế toán của các Ngân hàng thương mại ở Việt Nam đòi hỏi cần phải được cải cách nhằm đẩy nhanh quá trình hội nhập với thế giới và khu vực, sớm hoàn thiện cơ chế pháp lý trong lĩnh vực kế toán - tài chính, chọn lọc và thừa nhận các chuẩn mực kế toán Quốc tế, những chuẩn mực đã được quốc tế công nhận đồng thời phù hợp với điều kiện kinh tế Việt Nam và điều kiện phát triển của kỹ thuật kế toán theo xu hướng thương mại điện tử trong tương lai

2-Nhận thức rõ vai trò của công tác kế toán trong hoạt động của các ngân hàng thương mại, đặc biệt là trong vấn đề cung cấp các thông tin kinh tế việc cải

## CHƯƠNG 3

### Giải pháp hoàn thiện hệ thống kế toán ngân hàng thương mại Việt nam phù hợp với thông lệ kế toán quốc tế

#### I/ QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KẾ TOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM:

Như đã biết, Hệ thống kế toán Ngân hàng Thương mại là một bộ phận hay lĩnh vực của Hệ thống kế toán quốc gia và đơn vị kế toán áp dụng hệ thống này là doanh nghiệp ngân hàng có đối tượng chủ yếu cho kế toán là vốn tiền tệ vận động theo cơ chế kinh doanh và dịch vụ ngân hàng. Do vậy, những gì thuộc nội dung định hướng, nguyên tắc xây dựng chuẩn mực kế toán Việt nam đã được Bộ Tài chính thông báo đều phải được tham chiếu trong quá trình hoàn thiện hệ thống kế toán Ngân hàng Thương mại. Mặt khác, khi áp dụng Luật kế toán, các Luật khác và điều ước quốc tế thì phải tuân theo trật tự ưu tiên:

- Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật kế toán và quy định của Luật chuyên ngành về kế toán thì áp dụng theo quy định của Luật chuyên ngành.

- Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam ký kết hoặc tham gia có quy định về kế toán khác với quy định của Luật kế toán thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế.

Tuy nhiên, để hạn chế phát sinh những trường hợp trên thì quá trình hoàn thiện Hệ thống kế toán ngân hàng thương mại ở Việt nam phải khái quát hoá cho được những chuẩn mực kế toán quốc tế phù hợp với hoàn cảnh Việt nam (tức chuẩn mực tốt nhất chứ không phải hiện đại nhất) bằng những quy định, điều luật về nguyên tắc và phương pháp cơ bản để ghi sổ, lập báo cáo tài chính ở trong Luật kế toán, đồng thời cũng quy định và lựa chọn từ tập quán quốc tế để ban hành hệ thống chuẩn mực kế toán Việt nam phù hợp với Luật kế toán và Luật chuyên ngành của Việt nam.

Đối với lĩnh vực Ngân hàng thương mại thì điều đó có nghĩa là tuân thủ điều 3, khoản 2 Luật các tổ chức tín dụng hiện hành: "Các bên tham gia hoạt

- Quan niệm về nguyên lý kế toán, nguyên lý thống kê lâu nay vẫn được dùng để trao đổi thông tin về phương pháp luận trên lĩnh vực này ở nước ta cũng cần có cách nhìn nhận hợp lý để phân biệt với hệ thống chuẩn mực kế toán mà nước ta đang xây dựng và thực hiện (trong khi vẫn không phủ định nguyên lý kế toán hiện hành).

- Cuối cùng, việc thể chế hoá hệ thống kế toán ngân hàng thương mại dù theo chuẩn mực kế toán quốc tế thì cũng phải xuất phát từ nhu cầu xã hội. Các Mác đã khẳng định: "Nhà lập pháp không làm ra pháp luật càng không phát hiện ra chúng mà chỉ nêu chúng lên". Nói một cách khác là phải đối chiếu với thực tế để xem tính phù hợp của cuộc sống.

## 2/ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KẾ TOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

**2.1- Bám sát chương trình soạn thảo, ban hành Luật kế toán và Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt nam để chủ động triển khai phù hợp với đặc thù kế toán Ngân hàng Thương mại.**

Hiện nay, Quốc hội khoá XI đã thông qua Luật kế toán Việt nam, theo kế hoạch thì đến 1/1/2004 Luật này có hiệu lực và các văn bản dưới Luật sẽ cụ thể hoá vấn đề có liên quan đến kế toán Ngân hàng Thương mại như sau:

- Nâng pháp lệnh kế toán - thống kê thành Luật cho riêng phần kế toán nên phạm vi điều chỉnh theo chức năng hạch toán có hẹp hơn (riêng hạch toán kế toán) song chất lượng và hiệu lực pháp lý cao hơn, lâu dài hơn. Chính vì vậy, sẽ phải có nhiều văn bản dưới Luật cụ thể hoá theo ngành, lĩnh vực hoạt động và theo thời gian. Điều quan trọng là từ dự thảo Luật này để đón trước, cụ thể hoá vào kế toán cho lĩnh vực đặc thù Ngân hàng Thương mại sao cho đồng bộ với Luật về thời điểm ban hành và nội dung để cập.

- Đối tượng điều chỉnh của Luật này sẽ mở rộng hơn trước trong lĩnh vực kế toán bao gồm không chỉ doanh nghiệp trong nước mà cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Ngân hàng thương mại liên doanh giữa Việt nam với nước

các nguyên tắc còn lại của kế toán - tài chính. Do vậy, khi áp dụng vào kế toán ngân hàng thương mại phải luôn bám sát vào điều lệ hoạt động của nó để đối chiếu và có giải trình thích hợp khi ngân hàng thương mại thay đổi quyền năng, có thể do bị kiểm soát đặc biệt hay hoạt động không theo điều lệ cũ dù vẫn hoạt động mà chưa giải thể.

- Về nguyên tắc kế toán, Luật này quy định:

+ Giá trị tài sản được tính theo giá gốc, bao gồm chi phí mua, lắp ráp, chế biến, các chi phí khác phát sinh để đưa tài sản đó vào sử dụng. Đơn vị kế toán không được tự điều chỉnh giá trị tài sản đã ghi sổ kế toán.

Tuy vậy, hiện nay ngân hàng thương mại cổ phần, quỹ tín dụng nhân dân hay công ty tài chính độc lập vẫn được đánh giá lại tài sản kinh doanh theo yêu cầu của chính họ. Đề nghị để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, khách quan trong đánh giá tài sản kinh doanh, đồng thời tôn trọng nguyên tắc so sánh và bình đẳng cạnh tranh, giảm thiểu sự rủi ro kinh doanh thì các tổ chức tín dụng nói trên cũng phải sửa đổi thực tế hiện hành.

+ Kế toán phải tuân thủ chuẩn mực kế toán đã chọn trong một kỳ kế toán (năm). Nếu buộc phải thay đổi thì đơn vị kế toán phải giải trình trong Báo cáo tài chính. Tuy nhiên, vấn đề này chỉ đặt ra trong giới hạn được Luật và các văn bản dưới Luật quy định để phân cấp cho ngân hàng thương mại (vấn đề lựa chọn chuẩn mực kế toán)

+ Đơn vị kế toán phải thu thập, ghi chép khách quan, đầy đủ và trung thực, phù hợp với thực tế nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.

+ Số liệu, thông tin trong báo cáo tài chính năm của đơn vị kế toán phải được công khai theo quy định.

Xin lưu ý thêm, đối tượng kế toán ở Ngân hàng Thương mại Việt nam không chỉ có tài sản cố định, lưu động, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí, kết quả và xử lý kết quả hoạt động kinh tế, tài chính cũng như tài sản khác liên quan đến đơn vị kế toán mà còn các khoản đầu tư tài chính tín dụng, các khoản dịch vụ thanh toán ngân quỹ trong và ngoài đơn vị kế toán.



toán mà còn phải áp dụng chuẩn mực kế toán phản ánh sự thay đổi của báo cáo tài chính bởi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

- Kỳ kế toán thì Luật này quy định theo tiêu chí một năm, một quý hay một tháng, trong đó năm được tính không chỉ từ 1/1 đến 31/12 dương lịch mà còn tùy thuộc đơn vị kế toán lựa chọn cho thích hợp nhưng từ khi bắt đầu đến khi kết thúc năm kế toán không quá 12 tháng.

- Về các phương pháp áp dụng trong kế toán như tài khoản, hệ thống tài khoản, cách ghi đơn, ghi kép và chứng từ kế toán đều được Luật này quy định cụ thể, trong đó có nhấn mạnh các đơn vị kế toán đặc thù có thể có quy định riêng cho phù hợp nhưng phải được Bộ Tài chính thoả thuận bằng văn bản.

Chẳng hạn, trong các đơn vị kế toán là Ngân hàng Thương mại thì hệ thống tài khoản và phương pháp kế toán của nó nhất định phải thể hiện được cơ chế vận động và trình tự ghi nhận của kế toán đối với quá trình vận động của chứng từ thanh toán và hành vi trích tài khoản của người trả nhập vào tài khoản của người được hưởng cùng với việc trả phí dịch vụ thanh toán từ tài khoản người hưởng lợi dịch vụ sang cho Ngân hàng đã hoàn thành dịch vụ thanh toán. Quá trình đó gắn với kỹ thuật nghiệp vụ thanh toán điện tử thì việc phải tuân thủ những thủ tục về lập, truyền qua mạng những thông tin trên chứng từ cùng với chữ ký điện tử được chuyển tải theo những công nghệ nhất định cũng phải được thể chế hoá. Tất cả những vấn đề này vừa có nội dung kế toán quản trị vừa có nội dung kế toán tài chính đồng thời lại chứa đựng đặc thù truyền tải, tiếp nhận và tái hiện bằng mạng điện tử và kỹ thuật vi tính hoá. Cái gọi là "Chữ ký điện tử" sẽ được ứng dụng để thay thế chữ ký bằng tay của người chịu trách nhiệm trong kế toán, tài chính (kế toán viên, kế toán trưởng, người phê duyệt chứng từ kế toán....). Vấn đề quan trọng vượt ra ngoài khuôn khổ tư duy kế toán truyền thống khi làm bằng giấy tờ, sổ sách là phải bằng công nghệ thông tin và kỹ thuật bảo

Điều đó có nghĩa là Luật kế toán không coi Bảng cân đối tài khoản là một loại báo cáo tài chính ở mọi doanh nghiệp. Luật này còn lưu ý thêm: Báo cáo tài chính của từng lĩnh vực hoạt động sẽ do Bộ Tài chính quy định. Cũng cần nói thêm rằng khi đã quy định lập và trình bày báo cáo tài chính được thì cũng nên quy định cả phần kế toán tài chính vì mục đích của kế toán này là nhằm hình thành báo cáo tài chính.

Vấn đề công khai báo cáo tài chính cũng được Luật kế toán Việt nam đề cập đầy đủ hơn trước đây nhiều:

+ Đơn vị kế toán phải công khai báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật.

+ Nội dung công khai báo cáo tài chính của đơn vị kế toán hoạt động kinh doanh gồm:

- ◆ Tình hình tài sản và nguồn hình thành tài sản;
- ◆ Kết quả hoạt động kinh doanh;
- ◆ Trích lập và sử dụng các quỹ;
- ◆ Thu nhập liên quan đến người lao động.

+ Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán đã được kiểm toán khi công khai phải công khai cả kết luận của tổ chức kiểm toán.

+ Hình thức công khai báo cáo tài chính có thể bằng phát hành ấn phẩm, bằng văn bản, bằng niêm yết tại trụ sở làm việc.

+ Thời hạn mà doanh nghiệp phải công khai báo cáo tài chính của mình là một trăm tám mươi ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Vấn đề kiểm toán báo cáo tài chính thì Luật quy định áp dụng cho một số loại hình doanh nghiệp và báo cáo kiểm toán cũng phải được gửi kèm báo cáo tài chính liên quan lên các cơ quan hữu quan theo quy định.

Việc kiểm tra kế toán vẫn được Luật quy định đầy đủ dù đã có kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ, thanh tra tài chính - thuế vụ .... Cụ thể là:

+ Kiểm tra kế toán là xem xét, đánh giá việc tuân thủ quy định về kế toán, sự trung thực, chính xác của thông tin, số liệu kế toán.

hình thức sở hữu tài sản, giải thể, chấm dứt hoạt động trường hợp tài liệu kế toán bị mất hoặc bị huỷ hoại. Vấn đề phục hồi tài liệu kế toán bị mất hoặc bị huỷ hoại là việc lâu nay được các ngân hàng thương mại rất quan tâm. Lý do: Đã kinh qua nhiều đợt lũ lụt mà hồ sơ bằng giấy và cả đĩa, băng từ máy tính vô phương cứu nạn. Trong khi đó chế tài hiện nay phần nhiều là hồ sơ pháp lý liên quan đến nợ vay, đến tiền gửi chuyên dùng hay tiền tạm giữ, tài sản giữ hộ...

Trong vấn đề tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán thì Luật kế toán lần này có đề cập thêm nội dung thuê tổ chức, cá nhân làm kế toán (kể cả kế toán trưởng). Người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán chịu trách nhiệm về việc tổ chức bộ máy kế toán và thực hiện công việc kế toán. Trong đó có quy định đơn vị kế toán cấp trên và đơn vị kế toán cấp cơ sở theo hướng dẫn của Chính phủ đối với một số lĩnh vực hoạt động.

Luật quy định rõ ràng về tiêu chuẩn, quyền và trách nhiệm của người làm kế toán cũng như các điều kiện ràng buộc người được làm kế toán và người không được làm kế toán.

Về kế toán trưởng thì Luật lần này không hề nêu vai trò kế toán trưởng là kiểm soát viên nhà nước như luật lệ hiện hành vì đối tượng điều chỉnh của luật này đã được mở rộng đến cả thành phần phi nhà nước.

#### Về hành nghề kế toán, luật ghi:

- Tổ chức và cá nhân có đủ điều kiện theo quy định có quyền hành nghề kế toán theo hình thức doanh nghiệp dịch vụ kế toán hoặc cá nhân hành nghề kế toán.

- Doanh nghiệp dịch vụ kế toán phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Người quản lý doanh nghiệp này phải có chứng chỉ hành nghề kế toán do cơ quan có thẩm quyền cấp và là Hội viên Hội Kế toán Việt nam.

- Cá nhân hành nghề kế toán phải đáp ứng các tiêu chuẩn đã quy định, phải có chứng chỉ hành nghề do cơ quan thẩm quyền cấp và phải đăng ký hành nghề kế toán theo quy định là Hội viên Hội Kế toán Việt nam.

Dự thảo Luật kế toán đã quy định rõ hơn luật lệ hiện hành vấn đề quản lý nhà nước về kế toán. Trong đó có quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về kế toán như sau:

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về kế toán;
- Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kế toán;

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về kế toán trong lĩnh vực được phân công;

- Ủy ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về kế toán trong phạm vi địa phương;

- Chính phủ quy định việc phối hợp giữa các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương trong quản lý nhà nước về kế toán.

Từ nội dung cơ bản mang tính so sánh với luật lệ hiện hành về kế toán cho thấy ngành Ngân hàng sẽ phải phối hợp hoặc tự mình khi được Chính phủ phân công đối với việc thể chế hoá những vấn đề về kế toán mang tính đặc thù sau:

- Nội dung công tác kế toán tài chính, kế toán quản trị;
- Tổ chức bộ máy kế toán;
- Chế độ báo cáo tài chính, báo cáo quản trị;
- Tổ chức hạch toán các nghiệp vụ ngân hàng theo trình tự và thời gian phát sinh và phù hợp với yêu cầu hạch toán kiểm tra bằng máy tính điện tử đối với cả những vận động thanh toán - chuyển tiền, vận động tỷ giá VND/ngoại tệ + vàng được áp vào dịch vụ ngân hàng và kinh doanh tiền tệ của Ngân hàng Thương mại.

Tuy nhiên, để rõ ràng trách nhiệm, đề nghị Chính phủ qui định cụ thể trên cơ sở Luật kế toán Việt nam về phân cấp phân quyền thể chế hoá hệ thống kế toán - tài chính (cũng như kiểm tra thực hiện) đối với lĩnh vực hoạt động Ngân

tượng hạch toán và đặc điểm vận động của chúng để áp dụng thích hợp các điều khoản pháp lý về chuẩn mực kế toán chung Việt nam (đối với các chuẩn mực đã được công bố và có hiệu lực thi hành) đồng thời chủ động tham gia khởi thảo những quy định chung của chuẩn mực kế toán Việt nam sao cho có cả hình ảnh cơ bản của kế toán ngành Ngân hàng (đối với các chuẩn mực đang soạn thảo, chưa hoàn thành).

- Trong quá trình hoàn thiện hệ thống kế toán Ngân hàng Thương mại Việt nam theo chuẩn mực kế toán quốc tế đã được chất lọc bởi hệ thống chuẩn mực kế toán quốc gia Việt nam, một nhận thức không thể xem nhẹ là tính kế thừa những thành tựu kế toán ngành này. Điều đó không chỉ thể hiện sự tiếp thu nguyên tắc chung của chuẩn mực kế toán quốc tế là tính liên tục hoạt động, tính dồn tích về lượng với sự đảm bảo thận trọng, an toàn mà trước hết là sự đòi hỏi của phát triển tự nhiên, sự phân biệt cái toàn thể, toàn vẹn của kế toán một ngành bao gồm nhiều nội dung từ phương pháp tài khoản, chứng từ, hạch toán, kiểm tra ... chứ không chỉ có những nội dung được đề cập trong hệ thống các chuẩn mực kế toán quốc tế. Vấn đề chính là từ hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế đã được lọc lại, chiết quang qua lăng kính của hệ thống chuẩn mực kế toán quốc gia Việt nam, chúng ta cần phải rà soát lại toàn bộ hệ thống kế toán Ngân hàng Thương mại hiện hành và chỉnh sửa, nâng cao lên. Theo chúng tôi, trước mắt, hệ thống kế toán Ngân hàng Thương mại nên hoàn thiện, nâng cao những vấn đề sau:

- Áp dụng báo cáo lưu chuyển tiền tệ, coi đó là một bộ phận của hệ thống báo cáo tài chính định kỳ năm của Ngân hàng Thương mại. Đây là loại báo cáo cho thấy rõ khả năng thanh toán tiền tệ sau một kỳ kinh doanh của doanh nghiệp ngân hàng, hoàn toàn khác với nội dung báo cáo quản trị về "Lưu thông tiền tệ" trong ngân hàng lâu nay.

- Không liệt kê Bảng cân đối tài khoản kế toán của Ngân hàng thương mại vào hệ thống các báo cáo tài chính của doanh nghiệp này như hiện hành.

**2.3- Tổ chức nghiên cứu sâu hơn về khoa học kế toán áp dụng cho các ngân hàng để có thể tạo điều kiện áp dụng công nghệ mới, hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ kế toán của ngân hàng thương mại hiện đại.**

Lý do: Việc nghiên cứu khoa học kinh tế thật không dễ, trong đó khoa học kế toán áp dụng cho ngân hàng lại càng khó hơn. Điều đó có liên quan đến bản chất của kế toán và đặc thù kế toán ngân hàng với việc quản lý Nhà nước về kế toán theo ngành lĩnh vực kinh tế này. Ngày nay, việc hiện đại hoá ngân hàng đang là một vấn đề cấp bách đối với hoạt động của các ngân hàng thương mại, nó góp phần giảm nhẹ khối lượng công việc của từng nhân viên, đảm bảo cho các nghiệp vụ được thực hiện chính xác và nhanh chóng. Vì vậy, yêu cầu xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống kế toán của các ngân hàng thương mại đặt ra yêu cầu bức xúc là quy định về hệ thống tài khoản, chế độ báo cáo kế toán, quy định về việc sử dụng chứng từ kế toán trong hoạt động của các ngân hàng thương mại phải tạo điều kiện cho việc áp dụng công nghệ mới, thích ứng với các dịch vụ ngân hàng truyền thống cũng như các dịch vụ tiện ích khác. Từ đó, nâng cao khả năng cạnh tranh và hội nhập của các ngân hàng thương mại ở Việt nam với các ngân hàng thương mại trong khu vực và trên thế giới. Các hệ thống văn bản pháp lý trong lĩnh vực kế toán liên quan trực tiếp với các loại dịch vụ mới của ngân hàng thương mại cần được đổi mới sao cho phù hợp với công nghệ thông tin và thông lệ quốc tế, tạo hành lang pháp lý hoàn chỉnh, làm nền tảng để ứng dụng nhanh công nghệ thông tin trong hoạt động của ngân hàng thương mại ở Việt nam và thích ứng với quy trình phát triển thương mại điện tử ở Việt nam.

**2.4- Cải tiến nội dung và phương pháp đào tạo chuyên môn thuộc lĩnh vực kế toán - tài chính cho đội ngũ cán bộ kế toán tại các ngân hàng thương mại về những kỹ năng nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường.**

Việc cải cách cần theo hướng tư duy mới mà hệ thống các chuẩn mực kế toán Quốc gia chứa đựng đồng thời phù hợp với hướng hiện đại hoá công nghệ ngân hàng, trong đó có vấn đề vi tính hoá các quy trình nghiệp vụ ngân hàng. Chương trình đào tạo, đào tạo lại cán bộ ngân hàng ở các lĩnh vực không chuyên

## KẾT LUẬN

Hoàn thiện hệ thống kế toán Ngân hàng thương mại Việt nam phù hợp với thông lệ kế toán quốc tế là một đề tài rộng lớn, thiết thực trong điều kiện nước ta đang tiếp tục đổi mới quản lý kinh tế đất nước nhằm thiết lập cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước theo định hướng X.H.C.N với yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển và phồn vinh.

Bám sát mục tiêu nghiên cứu của đề tài đã được Hội đồng khoa học ngành thông qua là phải vạch ra quan điểm, định hướng hoàn thiện hệ thống kế toán Ngân hàng thương mại Việt nam trên cơ sở ứng dụng hợp lý hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế đồng thời tuân thủ khuôn khổ hệ thống chuẩn mực kế toán quốc gia Việt nam. Ban nghiên cứu đề tài đã lao tâm khổ trí bấy nay trong việc tìm tòi hệ thống hoá những tri thức hiện nay về thông lệ kế toán quốc tế và cả kinh nghiệm các nước trong việc áp dụng chúng để rút ra những vấn đề cơ bản của thông lệ này đồng thời qua so sánh với hệ thống kế toán Việt nam hiện hành, trong đó có kế toán Ngân hàng thương mại để nêu bật những vấn đề cần thiết cho cả trước mắt và lâu dài :

Những vấn đề chủ yếu của hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế ( hay còn gọi thông lệ kế toán quốc tế ) bao gồm :

- Đây là một bảng danh mục với 34 chuẩn mực kế toán, tính đến 31/12/2001 do Hội đồng Chuẩn mực kế toán quốc tế ( viết tắt là I.A.S.B) soạn thảo, ban hành và tìm cách phổ biến rộng rãi cho tất cả các nước trên thế giới với mục đích đảm bảo khả năng so sánh cao của thông tin kế toán giữa các nước.

- Đó là những quy định mực thước về kế toán tài chính được xây dựng cho các nước có nền kinh tế thị trường tương đối phát triển nhằm phản ánh một cách công khai, trung thực, khách quan, tin cậy các thông tin về vận động tài chính ở các đơn vị kế toán trên phương diện giá trị cũng như thời gian lao động cho mọi đối tượng quan tâm đến thông tin này. Các chuẩn mực này cũng là điều kiện thực hiện thống nhất kiểm soát, đánh giá chất lượng kế toán tài chính, thống nhất đào tạo và quản lý chuyên gia kế toán trên phạm vi thế giới.

Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay ( Xúc lập nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường - định hướng X.H.C.N có sự điều tiết của Nhà nước) và hoạt động kế toán - thống kê được tổ chức lại để nâng cấp toàn diện và sâu sắc gồm cả hệ thống văn bản pháp luật và tổ chức tác nghiệp ở mọi ngành, mọi nghề, kể cả nghề ngân hàng thì Ban đề tài KNH 2001.16 xin được phép đề cập vấn đề như trên, rất mong được sự giúp đỡ, hợp tác của mọi cấp, mọi đơn vị, cá nhân liên quan để có thể nghiên cứu hoàn chỉnh thêm đề tài sau này./.



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Báo cáo tài chính phải trình bày thành 4 nhóm chính sau :

- 1/ Chính sách kế toán .
- 2/ Bảng cân đối kế toán .
- 3/ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- 4/ Thuyết minh báo cáo tài chính.

Về chính sách kế toán (nhóm 1) thì phải thể hiện :

- + Phương pháp ghi nhận các loại doanh thu chủ yếu.
- + Cơ sở đánh giá kết quả đầu tư và giao dịch chứng khoán.
- + Cơ sở phân loại các nghiệp vụ kinh tế được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán và các nghiệp vụ kinh tế làm phát sinh các khoản cam kết và công nợ bất thường.
- + Cơ sở xác định các khoản lỗ từ các khoản cho vay và các khoản tạm ứng và cơ sở cho việc xoá sổ các khoản tạm ứng không thể thu hồi.
- + Cơ sở xác định các khoản dự phòng cho các khoản rủi ro ngân hàng chung và phương pháp hạch toán kế toán cho các khoản dự phòng.

Về trình bày bảng cân đối Kế toán (nhóm 2) thì phải lập theo bảng được chuẩn hoá, trong đó tài sản và công nợ được nhóm theo bản chất và được sắp xếp theo thứ tự phản ánh tính thanh khoản của chúng:

- + Các khoản tài sản và công nợ không được bù trừ cho nhau trừ khi chính sách kế toán cho phép.
- + Giá trị thực tế của tài sản thì áp dụng các chuẩn mực có quan hệ.
- + Bảng cân đối kế toán được chuẩn hoá cần bao gồm tối thiểu các tài sản, công nợ sau:

Tài sản:

+ Ngoài những thông tin cần phải trình bày theo yêu cầu của các chuẩn mực kế toán quốc tế khác, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải trình bày tối thiểu là các khoản mục thu nhập và chi phí sau:

- . Lãi vay và các thu nhập tương tự
- . Chi phí vay và các chi phí tương tự
- . Thu nhập từ cổ tức
- . Thu nhập từ các khoản phí và hoa hồng
- . Chi phí cho các khoản phí và hoa hồng
- . Lợi nhuận trừ đi lỗ phát sinh từ kinh doanh ngoại tệ
- . Các loại thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác
- . Tổn thất từ các khoản cho vay và các khoản tạm ứng
- . Chi phí quản lý chung
- . Chi phí hoạt động khác

Về thuyết minh báo cáo tài chính nhóm 4 thì phải trình bày những thông tin sau:

- + Tổn thất từ các khoản cho vay và các khoản tạm ứng.
- + Cam kết và công nợ bất thường ( bao gồm các khoản mục ngoại bảng).
- + Thời gian đến hạn của tài sản, công nợ.
- + Mức độ tập trung của tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng.
- + Những rủi ro ngân hàng chung.
- + Tài sản thế chấp.
- + Các hoạt động uỷ thác.
- + Giao dịch với các bên hữu quan.

Trong thời gian đáo hạn của tài sản và công nợ thì phải thể hiện :

Sự phân tích tài sản và công nợ thành những thời gian đến hạn thích hợp dựa trên thời kỳ còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn hợp đồng.

Thời gian đáo hạn có thể được trình bày dưới dạng:

Thời gian còn lại cho đến ngày thanh toán

Thời gian gốc cho đến ngày thanh toán

Thời gian còn lại cho đến ngày tiếp theo mà tại đó lãi suất có thể thay đổi .

Trong khi thuyết minh mức độ tập trung của tài sản , công nợ và các khoản mục ngoại bảng thì cần thể hiện :

. Những chỗ tập trung nhiều, quan trọng của tài sản , công nợ , khoản mục ngoại bảng( theo khu vực địa lý, khách hàng, hay nhóm ngành công nghiệp hay tập trung rủi ro khác)

. Những khoản tiền rủi ro ngoại hối thuần quan trọng.

. Trong thuyết minh những rủi ro tín dụng chung phải thể hiện:

. Các khoản dự phòng liên quan đến rủi ro chung của hoạt động ngân hàng, bao gồm các khoản lỗ trong tương lai và các rủi ro khác không dự đoán trước hay các khoản công nợ bất thường phải được trình bày riêng như quỹ từ lãi chưa phân phối.

. Việc giảm của những khoản dẫn đến sự tăng lên trong lãi chưa phân phối và không được tính đến khi xác định lãi hay lỗ thuần của kỳ kế toán.

Khi thuyết minh các tài sản được thế chấp làm đảm bảo, ngân hàng phải thể hiện :

. Tổng công nợ được đảm bảo

. Bản chất và giá trị thuần của các tài sản được thế chấp.

Khi thuyết minh các hoạt động tín thác thì phải thể hiện những vấn đề liên quan.

❖ *Phân tiếng Việt*

1. Bộ Tài chính: Hệ thống kế toán doanh nghiệp, Nhà xuất bản Tài chính, 1995 tr 386-460.
2. Bộ Tài chính: Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Nhà Xuất bản Tài chính 1/2002, Quyển 1.
3. Bộ Tài chính -EURO-TAPVIET Hội thảo về chuẩn mực kế toán -Hà nội 5/1999.
4. Bộ Tài chính: 08 chuẩn mực kế toán Quốc tế, Bộ Tài chính ấn hành 8/2002.
5. Bộ Tài chính Dự thảo Luật kế toán  
(Đính kèm tờ trình Quốc hội ngày 14/12/2001).
6. Các biểu báo cáo áp dụng đối với các T.C.T.D-Ngân hàng Nhà nước ấn hành tháng 12/2000, tr 144-158.
7. Công ty Kiểm toán Ernst & Young : về việc Hoàn thiện chuẩn mực kế toán Việt Nam cho ngành Ngân hàng (Báo cáo chính thức của dự án Hỗ trợ kỹ thuật số TF25709.Ngân hàng thế giới) tháng 7/2001.
8. Các chuẩn mực kế toán quốc tế- NXB Chính trị quốc gia - Hà nội 2000
9. Ths Bùi Văn Dương: Lý thuyết kế toán, Nhà xuất bản Thống kê, 8/1997
10. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Hệ thống hoá các văn bản về kế toán và quản lý tài chính năm 1998 tr 126-294 và tr1218.
11. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Hệ thống hoá các văn bản về kế toán và quản lý tài chính năm 1999 tr 300-313 và tr 388, tr 520.
12. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Các biểu báo cáo áp dụng đối với các TCTD,2000.